HÀNH TRÌNH VỀ PHƯƠNG ĐÔNG

Dịch giả : Nguyên Phong

Chương I

Lời mở đầu

Trong cuộc sống vội vã, quay cuồng hiện tại, nhiều người đã mất đi niềm tin. Họ quan niệm rằng sống để thụ hưởng, thoả mãn các nhu cầu vật chất vì chết là hết. Không có Thượng đế hay một quyền năng siêu phàm gì hết. Các đây không lâu, một tờ báo lớn tại Hoa kỳ đã tuyên bố, “Thượng đế đã chết!” Tác giả bài báo công khai thách đố mọi người đưa ra bằng chứng rằng Thượng đế còn sống. Dĩ nhiên, bài báo đó tạo nên một cuộc bàn cãi rất sôi nổi. Một nhà thiên văn học tại trung tâm nghiên cứu Palomar

cũng cho biết, “Tôi đã dùng kính viễn vọng tối tân nhất, có thể quan sát các tinh tú xa trái đất hàng triệu năm ánh sáng mà nào có thấy thiên đường hay thượng đế cư ngụ nơi nào?” Sự ngông cuồng của khoa học thực nghiệm càng ngày càng đi đến chỗ quá trớn, thách đố tất cả mọi sự. Tuy nhiên, trong lúc khoa học đang tự hào có thể chứng minh, giải thích tất cả mọi sự, thì một sự kiện xảy ra : Một phái đoàn ngoại giao do Tiểu vương Ranjit Singh cầm đầu sang thăm viếng nước Anh. Trong buổi viếng thăm đại học Oxford, vua Ranjit đã sai một đạo sĩ biểu diễn. Vị đạo sĩ này đã làm đảo lộn quan niệm khoa học lúc bấy giờ. Không những ông ta có thể uống tất cả mọi chất hoá học, kể cả những chất cường toan cực mạnh mà không hề hấn gì, ông

ta còn nhịn thở hàng giờ đồng hồ dưới đáy một hồ nước. Sau khi để một phái đoàn y sĩ do bác sĩ Sir Claude Wade khám nghiệm, ông ta còn chui vào một quan tài để bị chôn sống trong suốt 48 ngày. Khi được đào lên, ông ta vẫn sống như thường. Đạo sĩ còn biểu diễn nhiều việc lạ lùng, dưới sự kiểm chứng nghiêm khắc của các khoa học gia. Điều này gây sôi nổi dư luận lúc đó. Hội Khoa Học Hoàng Gia đã phải triệu tập một uỷ ban để điều tra những hiện tượng này. Một phái đoàn gồm nhiều khoa học gia tên tuổi được chỉ thị sang Ấn độ quan sát, sưu tầm, tường trình và giải thích những sự kiện huyền bí. Phái đoàn khoa học đã đặt ra những tiêu chuẩn rõ rệt để giúp họ quan sát với một tinh thần khoa học tuyệt đối. Không chấp nhận bất cứ một điều gì

nếu không có sự giải thích rõ ràng, hợp lý. Để soạn thảo bản tường trình, mỗi khoa học gia trong phái đoàn phải tự mình ghi nhận những điều mắt thấy, tai nghe vào sổ tay cá nhân. Sau đó, tất cả cùng nhau so sánh chi tiết và kiểm chứng cẩn thận. Chỉ khi nào tất cả đều đồng ý thì điều đó mới được ghi nhận vào biên bản chính. Điều này đặt ra để bảo đảm cho sự chính xác, không thành kiến đến mức tối đa. Tất cả những điều gì xảy ra mà không có sự giải thích khoa học, hợp lý đều bị loại bỏ.

Khi ra đi, họ không mấy tin tưởng nhưng khi trở về, họ đều đổi khác. Giáo sư Spalding đã cho biết, "Phương Đông có những chân lý quan trọng đáng để cho người Tây phương nghiên cứu, học hỏi. Đã đến lúc người Tây phương phải

quay về Đông phương để trở về với quê hương tinh thần.” Điều đáng tiếc là sự trở về của phái đoàn đã gặp nhiều chống đối mãnh liệt từ một dư luận quần chúng đầy thành kiến hẹp hòi. Các khoa học gia bị bắt buộc phải từ chức, không được tuyên bố thêm về những điều chứng kiến. Sau đó ít lâu, trưởng phái đoàn, giáo sư Spalding đã cho xuất bản bộ sách, “Life and teachings of Masters of the East” và nó đã gây ra một dư luận hết sức sôi nổi. Người ta vội tìm đến những người trong phái đoàn, thì được biết họ đã rời bỏ Âu châu để sống đời tu sĩ trong dãy tuyết sơn. Tuy thế, ảnh hưởng cuốn sách này đã tạo hứng khởi cho nhiều người khác trở qua Ấn độ để kiểm chứng những điều ghi nhận của phái đoàn. Thiên ký sự của Sir Walter Blake đăng

trên tờ London Scientific cũng như loạt điều tra của ký giả Paul Bruton, Max Muller đã vén lên tấm màn huyền bí của Đông phương và xác nhận giá trị cuộc nghiên cứu này.

Ấn độ là xứ có rất nhiều tôn giáo. Tôn giáo gắn liền với đời sống và trở nên một động lực rất mạnh làm chủ mọi sinh hoạt người dân xứ này. Người Ấn thường tự hào rằng văn hoá của họ là một thứ văn minh tôn giáo và dân xứ này được thừa hưởng một kho tàng minh triết thiêng liêng không đâu có. Vì thế Hội Khoa Học Hoàng Gia đã bảo trợ cho phái đoàn đến Ấn độ để nghiên cứu những hiện tượng huyền bí này.

Tuy nhiên, sau hai năm du hành khắp Ấn độ từ Bombay đến Calcutta, thăm viếng hàng trăm đền đài, tiếp xúc với hàng ngàn giáo sĩ, đạo sĩ nổi

tiếng , phái đoàn vẫn không thoả mãn hay học hỏi điều gì mới lạ. Phần lớn các giáo sĩ chỉ lập đi lập lại những điều đã ghi chép trong kinh điển, thêm thắt vào đó những mê tín dị đoan, thần thánh hoá huyền thoại để đề cao văn hoá xứ họ. Đa số tu sĩ đều khoe khoang các địa vị, chức tước họ đã đạt. Vì không có một tiêu chuẩn nào để xác định các đạo quả, ai cũng xưng là hiền triết (Rishi), sư tổ (Guru), hay đại đức (Swami), thậm chí có người xưng là thánh nhân giáng thế (Bhagwan). Ấn độ giáo (Hinduism) không có một chương trình đào tạo tu sĩ như Thiên chúa giáo, bất cứ ai cũng có thể vỗ ngực xưng danh, ai cũng là tu sĩ được nếu y cạo đầu, mặc áo tu hành, xưng danh tước, địa vị để lôi cuốn tín đồ. Ấn giáo không phải một tôn giáo thuần nhất, mà

có hàng ngàn tông phái khác nhau, mỗi tông phái lại chia làm nhiều hệ phái độc lập chứ không hề có một tổ chức hàng dọc như các tôn giáo Âu châu. Các giáo sĩ mạnh ai nấy giải thích kinh điển theo sự hiểu biết của họ. Phần lớn cố tình giảng dạy những điều có lợi cho họ nhất, ngoài ra họ còn tụ họp để phong chức tước lẫn nhau hay chống đối một nhóm khác. Sự tranh luận tôn giáo là điều xảy ra rất thường, nhóm nào cũng tự nhận họ mới là chính thống, mới là đúng với giáo lý của thượng đế. Do đó, cuộc nghiên cứu tôn giáo của phái đoàn không mang lại một kết quả mong ước, nhiều lúc mọi người thấy lạc lõng, rồi rắm không biết đâu là đúng, là sai. Hội Khoa Học Hoàng Gia chỉ thị việc nghiên cứu phải đặt căn bản trên nền tảng khoa học,

hợp lý nhưng lấy tiêu chuẩn này áp dụng sẽ gặp nhiều trở ngại vì văn hoá Ấn độ và Âu châu khác hẳn nhau. Người dân xứ này chấp nhận các tông phái như một điều hiển nhiên, không ai chất vấn khả năng các giáo sĩ hay suy xét xem lời tuyên bố của họ có hợp lý hay không ? Họ sùng tín một cách nhiệt thành, một cách vô cùng chịu đựng. Thất vọng về cuộc du khảo không mang lại kết quả như ý muốn, giáo sư Spalding một mình lang thang đi dạo trong thành Benares. Giữa rừng người hỗn tạp ồn ào, một thuật sĩ cởi trần đang phùng má thổi kèn gọi rắn. Một con rắn hổ to lớn nằm trong sọt ngửng cổ lên cao, phun phì phì. Tiếng kèn lên bỗng xuống trầm, con rắn cũng lắc lư, nghiêng ngã. Đám đông xúm lại xì xầm coi bộ khâm phục lắm. Nếu họ hiểu con rắn

đã bị bẻ răng, nuôi bằng bả á phiện và được luyện tập cẩn thận… Khắp xứ ấn, các trò bịp bợm này diễn ra không biết bao nhiêu lần trong ngày, nó sẽ kết thúc khi một vài tên “cò mồi” đứng trong đám đông vỗ tay, ném tiền vào rổ, và khuyến khích dân chúng ném theo… Đang mãi mê suy nghĩ, Spalding bỗng thấy một người Ấn to lớn, phong độ khác thường chăm chú nhìn ông mỉm cười. Người Ấn lễ phép cúi đầu chào bằng một thứ tiếng Anh hết sức đúng giọng, ông cũng đáp lễ lại. Câu chuyện dần dần trở nên thân mật, Spalding bèn lên tiếng hỏi người bạn mới quen nghĩ sao về những trò bịp bợm này.

Người Ấn trả lời :

- Các vị minh sư đâu có cư ngụ trong đền thờ lộng lẫy, họ đâu in danh thiếp với các chức tước,

địa vị to lớn, trọng vọng. Họ đâu cần phải quảng cáo các quyền năng, đạo quả hoặc in tên trong điện thoại niên giám. Một vị minh sư không nhất thiết phải có đông đệ tử, muốn tìm gặp họ phải biết phân biệt. Các đạo sĩ mà ông đã gặp, sở dĩ nổi tiếng có đông giáo đồ vì họ biết thu tập đệ tử qua các hình thức quảng cáo, biết hứa hẹn những điều giáo đồ muốn nghe, họ chả dạy điều gì ngoài một số "từ chương" trong kinh sách. Điều này một người thông minh có thể tự đọc sách, nghiên cứu lấy. Phải chăng ông thất vọng vì các đạo sĩ ông đã gặp chưa từng có các kinh nghiệm tâm linh?"

Giáo sư Spalding ngạc nhiên :

- Tại sao ông biết rõ như thế?

Người Ấn mỉm cười :

- Các ông đã bàn cãi với nhau rằng cuối tháng này, nếu không thu thập thêm điều gì mới lạ, phái đoàn sẽ trở về Âu châu và kết luận rằng Á châu chả có điều gì đáng học hỏi. Giai thoại về các bậc hiền triết, thánh nhân chỉ là những huyền thoại để tô điểm cho vẻ huyền bí Á châu.

Giaó sư Spalding mất bình tĩnh :

- Nhưng tại sao ông lại biết những điều này? Chúng tôi vừa bàn định với nhau như thế, ngay trong phái đoàn còn có nhiều người chưa rõ kia mà ?

Người Ấn nở một nụ cười bí mật và thong thả nhấn mạnh :

- Ông bạn thân mến, tư tưởng có một sức mạnh thần giao vượt khỏi thời gian và không gian. Thái độ của ông bạn là lý do mà hôm nay tôi đến

đây để chuyển giao một thông điệp ngắn ngủi, chắc hẳn ông bạn rất thuộc thánh kinh, “Hãy gõ cửa, rồi cửa sẽ mở. Hãy tìm rồi sẽ gặp”. Đó là thông điệp của một vị chân sư nhờ tôi chuyển giao.”

Sự kiện người Ấn đứng giữa chợ Benares nhắc đến một câu trong Kinh thánh làm giáo sư Spalding ngây ngất như say vừa tỉnh. Toàn thân ông như rung động bởi một luồng điện cao thế. Ông lắp bắp:

- Nhưng làm sao chúng tôi biết các ngài ở đâu mà tìm ? Chúng tôi đã bỏ ra suốt hai năm trời đi gần hết các đô thi, làng mạc xứ Ấn…

Người Ấn nghiêm nghị trả lời :

- Hãy đến Rishikesh, một thị trấn bao phủ bởi dẫy Hy Mã Lạp Sơn, các ông sẽ gặp những đạo sĩ

hoàn toàn khác hẳn những người đã gặp. Những đạo sĩ này chỉ sống trong các túp lều sơ sài, hoặc ngồi thiền trong các động đá. Họ ăn rất ít và chỉ cầu nguyện. Tôn giáo đối với họ cần thiết như hơi thở. Đó mới là những người dành trọn cuộc đời cho sự đi tìm chân lý. Một số người đã thắng đoạt thiên nhiên và chinh phục được các sức mạnh vô hình ẩn tàng trong trời đất... Nếu các ông muốn nghiên cứu về các quyền năng, phép tắc thần thông thì các ông sẽ không thất vọng.
Người Ấn im lặng một lúc và nhìn thẳng vào mặt giáo sư Spalding :
- Nhưng nếu các ông muốn đi xa hơn nữa, để tìm gặp các đấng chấn sư (Rishi) thì các ông còn mất nhiều thời gian nữa...
Giaó sư Spalding thắc mắc :

- Ông vừa dùng danh từ Chân sư, vậy chứ Chân sư (Rishi) và đạo sĩ (Yogi) khác nhau thế nào?

- Nếu ông tin ở thuyết tiến hoá của Darwin, thì tôi xin tóm tắt : “sự tiến hoá của linh hồn đi song đôi với thể xác. Chân sư là một người đã tiến rất xa trên mức thang tiến hoá; trong khi đạo sĩ chỉ mới bắt đầu…”

- Như thế thì các vị chân sư có thể làm các phép lạ được chứ ?

Người Ấn mỉm cười khẽ lắc đầu :

- Chắc chắn như thế, nhưng phép thuật thần thông đâu phải mục đích tối hậu của con đường đạo. Nó chỉ là kết quả tự nhiên do sự tập trung tư tưởng và ý chí. Đối với các bậc chân sư, sử dụng phép thuật là điều ít khi nào các ngài phải làm. Mục đích của con đường đạo là Gỉai Thoát,

là trở nên toàn thiện như những đấng cao cả mà đức Jesus là một .

Giáo sư Spalding cãi :

- Nhưng chúa Jesus đã từng làm các phép lạ .

Người Ấn bật cười trả lời :

- Ông bạn thân mến, bạn nghĩ rằng chúa Jesus làm vậy vào mục đích khoe khoang hay sao ? Không bao giờ, đó chỉ là những phương tiện để cảm hoá những người dân hiền lành, chất phác và đem lại cho họ một đức tin mà thôi.

Một lần nữa, người Ấn lạ lùng này lại nói về một đấng giáo chủ mà hầu như mọi người Tây phương đều biết đến. Giáo sư Spalding suy nghĩ và hỏi :

- Thế tại sao các đấng Chân sư không xuất hiện dạy dỗ quần chúng ?

Người Ấn nghiêm nghị :
- Ông nghĩ rằng các ngài sẽ tuyên bố cho người đời biết mình là ai chăng ?
Nếu đức Phật hay đấng “Christ” hiện ra tuyên bố các giáo điều, liệu ông có chịu tin không ? Có lẽ các ngài phải biểu diễn các phép thần thông như đi trên mặt nước hay biến ra hàng ngàn ổ bánh mì cho dân chúng thì các ông mới tin sao ? Điều này chắc rồi cũng sẽ có một số đạo sĩ Hắc đạo biễu diễn để lôi cuốn tín đồ nhưng các đấng cao cả đâu có làm thế phải không ông bạn ?
- Nhưng....nhưng các ngài sống ẩn dật như thế có lợi gì cho thế gian đâu ?
Người Ấn mỉm cười :
- Vì không biết rõ các ngài nên thế gian không thể xét đoán các ngài một cách đứng đắn. Ai bảo

rằng các ngài không giúp ích gì cho nhân loại ? Nếu tôi quả quyết rằng đấng “Christ” vẫn thường xuất hiện và vẫn giúp đỡ nhân loại không ngừng thì ông có tin không ? Có lẽ ông sẽ đòi hỏi một bằng chứng, một hình ảnh hoặc một cái gì có thể chứng minh được. Bạn thân mến, những tư tưởng sâu xa của các đấng cao cả không dễ gì chúng ta hiểu thấu. Có lẽ câu trả lời giản dị nhất là các ngài phụng sự thế gian một cách âm thầm, lặng lẽ bằng cách phóng ra các tư tưởng yêu thương, bác ái, tốt lành mà sức mạnh có thể vượt thời gian và không gian. Tuy mắt ta không trông thấy nhưng hiệu lực của nó vô cùng mạnh mẽ. Khi xưa, nhân loại còn ấu trĩ nên các ngài đã xuất hiện để đặt một nền móng, căn bản, hướng dẫn loài người. Đến nay, nhân loại đã ít

nhiều trưởng thành và phải tự lập, sử dụng khả năng của mình, chịu trách nhiệm về những việc họ làm.

Giáo sư Spalding suy nghĩ và hỏi :

- Lúc nãy bạn nói rằng có một vị chân sư nhờ bạn chuyển giao một thông điệp cho chúng tôi. Bạn có thể cho tôi biết địa chỉ của ngài được không ?

- Bạn thân mến, tất cả đều do Nhân Duyên, đến khi nào đủ duyên bạn sẽ gặp các ngài.

Nói xong, người Ấn độ cúi đầu chào và biến mất trong đám người đông đúc, ồn ào giữa ngôi chợ thành phố Benares.

hết: Chương I, xem tiếp: Chương II

Chương II

Người đạo sĩ thành Benares

Thành phố Benares là một nơi có nhiều di tích lịch sử và có rất nhiều tu sĩ. Bất cứ một người Âu Mỹ nào đến đây cũng ngạc nhiên về thành phố dân cư đông đúc, nhà cửa san sát và khắp nơi nhan nhản những đền thờ, lăng tẩm đồ sộ. Có những ngôi đền trông thì thật cổ kính, trang nghiêm nhưng khi bước vào trong bạn sẽ thấy gì ? Một số tín đồ hành lễ ngây ngô vừa cầu nguyện, vừa rung một cái chuông nhỏ để lời cầu xin của họ thấu đến tai các vị thần. Một số khá đông đạo sĩ ngồi trong các tư thế du già (yoga)

cực kỳ lạ lùng, khó tập luyện để tín đồ đến bỏ tiền vào trong bát nhỏ bầy trước mặt họ. Chúng tôi có cảm tưởng như họ làm xiếc biểu diễn kiếm ăn hơn là thực hành một pháp môn tu hành chân chánh.

Trong khi mọi người trong phái đoàn đang quay phim những đạo sĩ ngồi trên bàn đinh, các đền thờ to lớn, thì giáo sư Spalding thong thả đi dạo ngoài bờ sông. Ông nhìn thấy một đạo sĩ vóc người lực lưỡng đang đi gần đó. Như có một mãnh lực vô hình nào đó thúc đẩy, Spalding muốn vượt lên để nhìn cho rõ, ông bèn rẽ qua một lùm cây rậm rạp, để bắt cho kịp vị đạo sĩ nọ. Vừa đi được vài bước, ông đã giựt mình vì gặp một con rắn hổ mang to lớn chận lối. Rắn hổ là một loại rắn cực độc, hàng năm có hàng ngàn

người bị rắn cắn chết, vì ở xứ Ấn giống rắn này có nhiều vô kể, xuất hiện khắp nơi. Tiến thoái lưỡng nan, chưa biết phải làm gì thì con rắn đã trườn tới ngẩng cao cổ phun phì phì. Bất ngờ, vị đạo sĩ ở đâu đi đến, ông chẳng nói gì chỉ bước thẳng vào giữa con rắn và giáo sư Spalding. Vị đạo sĩ dơ tay vuốt nhẹ, con rắn từ từ bò vào trong bụi rậm, mất hút trước sự ngạc nhiên của giáo sư Spalding. Vị đạo sĩ mỉm cười thong thả tuyên bố :

- Cái phàm ngã hữu hình, hữu hoại không thể làm việc này mà đó là cái Chân Ngã thâm diệu, cái mà ta gọi là thượng đế ngự trong tôi và muôn loài đã khiến con rắn bỏ đi, khi hoàn toàn gạt bỏ cái phàm ngã bên ngoài để cho cái Chân Ngã tự biểu lộ, và hành động thì không chuyện

gì có thể xảy ra nữa. Bằng cách phát triển toàn vẹn tình thương và bác ái của thượng đế cho nó xuyên qua mình và ban rải cho muôn loài ta sẽ cảm hoá được các thú dữ. Khi ông vừa gặp con rắn, một tư tưởng sợ hãi phát ra, và tôi đã nhận được tư tưởng này; ngoài ra hình như ông có ý muốn gặp tôi ?

Giáo sư Spalding ấp úng :

- Chúng tôi đang suy tầm các hiện tượng huyền bí Á châu – thú thật là tôi đang cảm thấy hoang mang và thất vọng về những điều nhìn thấy ngoài chợ nhưng khi vừa nhìn thấy ông, tôi linh cảm có một sự gì khác thường - - Hình như có một mãnh lực vô hình nào xui khiến.

Đạo sĩ chăm chú nhìn giáo sư rồi ra dấu cho ông này ngồi xuống bên gốc cây cổ thụ gần đó. Đạo sĩ

lên tiếng :
- Sáng nay trong cơn thiền định, tôi nhận được một thông điệp về các ông, do đó tôi mới rời am thất đi dạo bên ngoài. Phải chăng các ông muốn tìm hiểu về phép tu Du Già (Yoga)? Đáng lý không bao giờ tôi tiết lộ điều này , nhưng tôi đã nhận thông điệp phải giúp đỡ các ông vậy thì ông cứ hỏi, tôi sẽ cố gắng trả lời tuỳ theo sự hiểu của mình.
- Xin ông cho chúng tôi được biết về khoa Du Già (Yoga).
Đạo sĩ yên lặng trong chốc lát và lên tiếng :
- Không ai biết rõ pháp môn Du Già (Yoga) bắt đầu từ lúc nào trong lịch sử. Kinh sách Ấn độ giáo (Hinduism) nói rằng thần Shiva truyền dạy môn này cho hiền triết Gheranda. Nhà hiền triết

dạy lại cho các đệ tử của ông nhưng chỉ có Marteyanda là lãnh hội được các tinh tuý và phổ biến trong giới trí thức thời đó.
Du Già (Yoga) là một khoa học bao gồm nhiều thứ từ : thiên văn, địa lý, triết học, toán học, v..v.. Pháp môn tôi được truyền dạy gọi là Hatha Yoga, chỉ là một phần nhỏ của toàn bộ Yoga. Theo lời sư phụ tôi thì trong thời cực thịnh, Yoga phát triển khắp nơi và lôi cuốn giới hiền triết, trí thức rất đông. Theo thời gian, thời hoàng kim đã qua, nhân loại đã sa vào hố thẳm của sa đoạ vật chất, bị lôi cuốn vào các cám dỗ xác thịt. Để chống lại sự phá sản tâm linh này, các hiền triết đã hội thảo để tìm một giải pháp. Sau cùng họ đi đến kết luận là cho phép truyền dạy một phần của môn Yoga cho quần chúng,

nhằm đem lại một giải pháp cho giai đoạn lúc đó. Phần được truyền dạy này trích ở chương Yuj (cái ách) gồm các phương pháp trói buộc tinh thần lẫn thể xác trong một kỷ luật khắc khe để đạt mục đích tập trung Tâm và Thân làm một với bản thể trời đất. Từ đó phần này được truyền bá khắp nơi và tồn tại đến ngày nay. Vì trích ở chương Yuj, nên nó được gọi là Yoga. Nên nhớ đây chỉ là một phần rất nhỏ của môn Yoga nguyên thuỷ, vậy mà phần nhỏ này cũng chỉ rất ít người hiểu rõ một cách đứng đắn. Đa số đã hiểu sai nên mới có các lối tập luyện kỳ dị, các lối tu khổ hạnh điên rồ, các tư thế lố bịch. Như các ông thấy, có các đạo sĩ nằm bàn đinh, dơ cánh tay lên trời cho đến khi nó khô liệt. Sự luyện tập như thế không có ích gì mà cũng chả

mang lại một kết quả gì. Đó là những kẻ làm hoen ố danh dự một môn khoa học như Yoga. Đối với đa số, Yoga đã bị hạ thấp xuống thành một môn thể dục để thân thể khoẻ mạnh cường tráng.

Tuy thế, nếu luyện thế đúng cách nó vẫn mang lại nhiều kết quả tốt cho thể xác. Nhưng các đạo sĩ (Yogi) lại khác, họ biết rằng luyện tập môn này sẽ giúp họ khám phá các năng lực tiềm tàng, mầu nhiệm, giúp họ đạt các phép thần thông biến hoá.

Để luyện ý chí, họ tập trung năng lực vào các việc như hành xác, bắt nó chịu các thử thách cực độ như phơi nắng, dầm sương, ngồi trên than hồng, đứng bằng tay, tréo chân lên cổ, nhịn đói, nhịn khát, lấy gươm xiên vào da thịt, v..v…

Để chứng minh quyền năng ý chí, họ đem trò này ra biễu diễn cho quần chúng để tìm cách vừa kiếm tiền, vừa hưởng sự kính trọng của đám dân chúng khờ khạo.

Mục đích của Yoga đâu phải làm trò lạ mắt cho người đời kính phục.

Giaó sư Spalding ngắt lời :

- Nhưng ta có nên trách họ không ? Nếu các đạo sĩ chân tu dấu kín các phép tu chân truyền thì sự hiểu lầm làm sao tránh khỏi.

Đạo sĩ mỉm cười thong thả giải thích :

- Một ông vua có khi nào phơi bày ngọc ngà, châu báu cho mọi người coi chơi. Ông ta cất dấu cẩn thận có phải thế chăng? Pháp môn Yoga còn gì quý bằng nên người tu chân chính không khi nào đem rao bán ngoài chợ. Kẻ nào thành tâm

muốn học hỏi phải ra công tìm kiếm và đó là phương pháp duy nhất. Một danh sư không cần quảng cáo rầm rộ vì không cần các đệ tử xúm vào xưng tụng. Trái lại, ông tuyển chọn đệ tử gắt gao và chỉ truyền dạy các giáo lý bí truyền khi người đệ tử tỏ ra xứng đáng. Khoa Yoga bí mật vì cách luyện tập rất nguy hiểm đối với người non kém, chưa đủ khả năng. Khai mở các bí huyệt đâu phải trò chơi tầm thường .

Có rất nhiều môn Yoga khác nhau, nhưng tôi tu luyện theo môn Hatha Yoga, nhắm việc chủ trị xác thân trước khi chủ trị tinh thần. Lúc đầu ta phải luyện tập bắp thịt và bộ máy hô hấp cho thật thuần thục, sau đó mới đi vào thần kinh, não tuỷ. Nếu tập đúng cách, sức khoẻ sẽ tăng cường, sống lâu và có ý chí mạnh mẽ. Đó chỉ là

giai đoạn nhập môn, nó đòi hỏi ít nhất từ một đến bốn năm mới đáng kể. Thân thể có cường tráng, tinh thần có dũng mãnh mới có thể tiếp tục bước vào giai đoạn kế tiếp.

Giáo sư Spalding gật gù :

- Như thế môn này khác phương pháp thể dục của người Âu Mỹ thế nào ? Chúng tôi cũng có các cách khiến thân thể khoẻ mạnh.

Đạo sĩ bật cười lớn :

- Người Âu Mỹ biết cách làm thân thể nẩy nở trên bộ da, bắp thịt, làm sao so với lối luyện tập của người Á châu, vốn chú trọng từ bên trong ra đến bên ngoài. Trước hết có bốn cách thức căn bản : Nghỉ ngơi làm xoa dịu thần kinh, cân não. Tĩnh toạ để tập trung ý chí. Điều tức để tẩy uế thân thể, khu trục các chất cặn bã, và Khí công

để kiểm soát hơi thở. Hãy lấy một thí dụ giản dị như việc nghỉ ngơi, hãy quan sát con mèo khi nó nằm yên hay rình bên lỗ chuột. Con mèo biết cách dưỡng sức, bảo tồn sinh lực không hao phí chút nào. Mọi cử động tư thế là cả một sự suy nghĩ, kiểm soát để thoải mái tối đa. Người Âu các ông tưởng mình biết nghỉ ngơi, nhưng thật ra các ông không biết gì cả. Các ông ngồi trên ghế một lúc rồi quay bên này, ngả bên nọ. Khi thì tréo chân, lúc lại dang tay, coi thì thoải mái nhưng trí óc các ông hoạt động liên miên từ việc này đến việc nọ. Như thế chỉ là hoạt động ầm thầm chứ đâu phải nghỉ ngơi. Loài vật biết cách dưõong sức bởi vì chúng có bản năng dìu dắt mà bản năng là tiếng nói tự nhiên. Loài người được hướng dẫn bằng lý trí, nhưng thay vì làm chủ lý

trí, họ đã không kiểm soát được bộ óc của họ, nên hậu quả là cả hệ thống thần kinh thể xác thể đều bị ảnh hưởng. Sự nghỉ ngơi hoàn toàn gần như không có.

Giáo sư Spalding thở dài thú nhận :

- Đó là điều chúng tôi không bao giờ nghĩ đến, nhưng liệu ông có thể nói rõ hơn về khái niệm sơ đẳng môn Hatha Yoga không ?

- Tôi chỉ có thể nói một vài tư thế giúp con người tăng cường sức khoẻ thôi. Có hai mươi tư thế (Asana), mà ai cũng có thể tập luyện để tăng cường sinh lực. Các tư thế này có ảnh hưởng đến một số bí huyệt khiến nó tác động lên các cơ quan suy yếu, giúp nó hoạt động trở lại mạnh mẽ hơn. Khoa học Tây phương đã chứng minh rằng ngoài các mạch máu chính, thân thể con

người còn có hàng triệu các vi ti mạch chạy khắp nơi để đưa dưỡng khí nuôi cơ thể. Nếu một cơ quan hay bắp thịt ít hoạt động hay suy yếu, thì số lượng các vi ti mạch (capillaries) cũng giảm bớt đi. Tập thể thao hay bơi lội có thể làm các mạch máu nhỏ này gia tăng hoạt động, khiến cơ quan phục hồi. Cũng như thế, tập các tư thế Yoga sẽ làm luồng hoả hầu (Prana) lưu chuyển, kích động các cơ quan từ trong khiến nó hoạt động nhưng tập Yoga làm nó hoạt động đúng với hiệu năng sẵn có. Do đó, nó mang lại nhiều hiệu quả thần diệu hơn. Con người không có lo gì bệnh tật nữa, nếu có bệnh cũng sẽ khỏi hoàn toàn.

Giáo sư Spalding lắc đầu :

- Tôi không tin người Âu Mỹ sẽ chấp nhận việc

tập Yoga chữa được hết bệnh tật.

Đạo sĩ mỉm cười :

- Một thân thể khoẻ mạnh, cường tráng làm sao có thể bị bệnh được ? Bệnh tật là do sự mất quân bình trong cơ thể. Người Âu Mỹ các ông chỉ biết hoạt động chứ đâu biết nghỉ ngơi, thế đã là lý do gây nên các bệnh thần kinh rồi.

- Thôi được, xin ông nói thêm về cách tập luyện ra sao ?

Đạo sĩ thong thả giải thích :

- Việc đầu tiên là phải ngồi cho thoải mái, ngồi trên ghế, nhất là các ghế bành êm ái rất có hại cho xương sống, con đường vận hà chính của luồng hoả hầu (Prana), và là nguyên nhân gây nên các chứng đau lưng, bại xuội, phong thấp. Phép ngồi thật ra rất dễ, chỉ cần ngồi xếp bằng

dưới đất, không dựa vào đâu, không nghiêng ngả bên nào, giữ cở thể thật thăng bằng, xương sống phải thật thẳng và thở nhẹ, đều đặn. Ai cũng có thể thở nhẹ trong vài phút nhưng sau đó sẽ lại thở loạn xạ ngay. Đó là vì bộ óc quen hoạt động, quen náo nhiệt. Hãy giữ cho lòng yên tĩnh, vắng lặng không bận rộn vào mọi chuyện vớ vẩn. Lúc đầu chưa quen chủ trị tư tưởng thì hãy nghĩ đến một cái gì đẹp đẽ, mỹ lệ như bông hoa, giòng suối. Đó là bước đầu cho việc nghĩ ngơi.

Giáo sư Spalding buột miệng :

- Như thế đâu có gì khó khăn lắm.

Đạo sĩ bật cười :

- Nghỉ ngơi cần gì phải khó khăn, phiền phức. Khi giữ được xương sống thẳng và thở hít đều đặn, thì luồng chân khí sẽ lưu thông khắp cơ thể

và từ đó sẽ điều chỉnh các chỗ bế tắc, ứ đọng trong châu thân. Cách thứ hai là nằm ngửa trên mặt đất, chân duỗi thẳng, đưa hai ngón chân cái ra ngoài. Hai tay buông xuôi bên thân mình, mắt nhắm lại để sức nặng toàn thân phân phối đều trên sàn gạch. Nên nhớ phải nằm trên sàn chứ không phải trên giường, nhất là giường nệm, vì giường mềm mại khiến thân thể lệch lạc không đều. Hãy nằm cho thoải mái, không nên cố gắng thái quá, đầu óc phải thảnh thơi, chớ suy nghĩ hay mong mỏi điều gì. Tư thế này sẽ xoa dịu bộ thàn kinh khiến nó lấy lại trạng thái quân bình. Nên nhớ nền tảng chính của Hatha Yoga dựa trên sự nghỉ ngơi, dưỡng sức chứ không phải hành xác với các tư thế vặn vẹo kỳ cục.

- Nhưng Yoga có các tư thế đó cơ mà ?

- Vấn đề đứng ngồi với một tư thế đặc biệt trong một khoảng thời gian không quan trọng, nhưng sự tập trung ý chí để thi hành tư thế đó một cách đứng đắn sẽ thúc đẩy các mãnh lực tiềm tàng trong cơ thể con người. Những mãnh lực này là bí mật của thiên nhiên, nó chỉ phát triển khi người luyện tập phải kèm theo một phương pháp thở (Khí công). Tư thế giúp con người chủ trị giác quan, hơi thở giúp con người mở cửa vào thế giới tinh thần. Nên nhớ tinh thần và thể xác luôn đi song đôi. Không thể có một tinh thần bạc nhược trong một thể xác tráng kiện, hay tinh thần minh mẫn trong một thể xác bệnh hoạn. Trong giai đoạn cao của Hatha Yoga, thì hành giả sẽ phải tham thiền nhập định rất lâu, thế ngồi của thể xác là điều quan trọng vì nó

giúp sự tập trung tư tưởng được dễ dàng, giúp hành giả tinh tấn, tăng cường ý chí….

- Nhưng tôi vẫn thắc mắc về các tư thế kỳ lạ, vặn vẹo thân hình của Yoga như chổng ngược đầu, vắt chân lên cổ.

- Bạn nên nhớ, trung tâm bí mật của hệ thần kinh rải rác nhiều chỗ trong cơ thể. Mọi tư thế có công dụng riêng, ảnh hưởng đến một bí huyệt nhất định. Nhờ kích động các bí huyệt đó mà ta có thể ảnh hưởng các bộ phận trong cơ thể, cũng như hoạt động trí não. Các tư thế lạ lùng chỉ dùng để kích động các bí huyệt mà thôi. Ngoài ra không còn gì khác nữa. Bạn phải nhớ kỹ rằng ngoài các tư thế còn có phương pháp khí công nữa, chứ không phải chỉ vận động các bắp thịt thôi. Người Tây phương tập thể thao, vận động

thể xác mạnh mẽ, tiêu phí sức lực để làm nẩy nở bắp thịt. Người Á châu tin rằng chính cái sức mạnh ở trong mới điều khiển và chỉ huy các bắp thịt. Bạn cho rằng phương pháp chổng ngược chân lên trời (trồng cây chuối) là lố bịch ư ? Tư thế này dồn máu xuống bộ óc do trọng lượng của nó. Bình thường máu được đưa lên óc do sức vận động của tim. Sự khác biệt ở chỗ để máu tự nhiên dồn xuống óc xoa dịu cân não rất có lợi cho ai làm việc nhiều bắng trí óc và giúp quả tim ngơi nghỉ không phải cố gắng để đưa máu lên óc. Nhờ tim được nghỉ mà tránh được các chứng đau tim. Khi thực hành các tư thế này phải cẩn thận, làm chậm rãi, từ từ, có ý thức, giữ vững tư thế trong một thời gian, không nên cố gắng thái quá. Nên nhớ chìa khoá là ở sự nghỉ ngơi thong

thả, chứ không phải hùng hục. Môn Yoga giúp thân thể tự động điều hoà trong sự yên tĩnh, thăng bằng, khác hẳn các lối tập thể thao co tay, múa chân ào ạt của người Âu. Làm thế tuy bắp thịt cơ thể nẩy nở, nhưng thân thể náo động, có hại cho thần kinh.

Giáo sư Spalding im lặng không thốt nên lời nào, tất cả những gì người đạo sĩ này nói ra đều hợp lý, rất khoa học, không hề có tính chất mê tín dị đoan như ông đã nghe các tu sĩ khác thần thánh hoá. Một người Âu trung bình vốn coi rẻ dân tộc Á châu như loại người chậm tiến, di sản một miền nóng bức, thiếu ăn, chắc phải ngạc nhiên khi thấy từ thời xưa người Ấn đã được giáo dục một cách tập thể dục tối tân, tinh vi, và khoa học như thế.

Đạo sĩ Ấn nhìn ông mỉm cười như đoán được ý nghĩ :

- Yoga là khoa học của vũ trụ, nó không những chỉ áp dụng riêng đối với dân Á châu, mà là khắp nơi. Tôi không thể đi sâu vào chi tiết nhưng dù sao duyên hội ngộ lần này cũng tốt đẹp. Tôi giúp ông bạn một chìa khoá bí truyền này. Luật thiên nhiên định rằng trung bình con người thở với số nhịp là 21.600 lần mỗi ngày. Sự hô hấp quá nhanh làm gia tăng nhịp điệu nói trên và thu ngắn sự sống. Sự hô hấp chậm rãi, kéo dài, đều đặn là tiết kiệm sinh lực và kéo dài sự sống, đó là bí quyết khoa Khí công. Mỗi hơi thở tiết kiệm sẽ tích tụ lại thành một số dự trữ giúp ta kéo dài sự sống. Các đồ ăn có chất kích thích hay hút thuốc làm cho hơi thở dồn dập, giảm số lượng

dưỡng khí vào phổi , tất nhiên làm ta giảm thọ nhanh. Có lẽ ông bạn còn nghi ngờ ? Khoa Yoga ý thức rất rõ sự liên quan chặt chẽ giữa cơ quan hô hấp và tuần hoàn. Cả hai cơ quan này liên hệ mật thiết với hệ thần kinh. Bộ thần kinh là chìa khoá vào cánh cửa tâm linh, do đó, hơi thở chính là lối vào tinh thần. Nhưng hơi thở chỉ là sự biểu lộ trên địa hạt vật chất của một sức mạnh tế nhị hơn. Sức mạnh này mới là cột trụ sinh hoạt xác thể, và chính cái sức mạnh vô hình, vô ảnh ẩn tàng trong cơ thể chúng ta mới thực sự điều khiển đời sống. Khi nó rời xác thân thì hơi thở ngừng lại và sự chết đến. Sự kiểm soát hơi thở giúp ta làm chủ một phần nào luồng sinh lực vô hình này. Khi sự chủ trị thân xác được thực hiện đến mức cao siêu, con người sẽ kiểm soát được

sự vận động các cơ quan trong thân thể như tim, gan ,bao tử, phổi…..

- Làm sao có thể được, tim ngừng đập là chết rồi còn gì ? – Giáo sư Spalding kêu lớn.

- Bạn không tin ư, được bạn hãy để tay lên ngực tôi.

Giáo sư Spalding để tay lên ngực đạo sĩ và tay kia bắt mạch. Một sự rung động lạ lùng xảy ra, nhịp tim đập của đạo sĩ từ từ chậm dần và ngưng hẳn. Đây là một ảo tưởng ? Giáo sư vội đưa tay xem đồng hồ, đúng một phút im lặng, rồi quả tim bỗng bắt đầu đập trở lại. Đạo sĩ mỉm cười giải thích :

- Bây giờ thì ông tin rồi chứ ? Có lẽ ông nghĩ rằng điều này phản khoa học, tôi xin lấy thí dụ sau mà ông có thể kiểm chứng được. Con voi thở chậm

hơn con khỉ do đó nó sống lâu hơn. Quan sát lối hô hấp loài vật như con rắn chẳng hạn, nó thở rất chậm nên sống lâu hơn con chó. Nếu nghiên cứu kỹ, bạn sẽ thấy sự liên hệ mầu nhiệm giữa hơi thở và sự sống lâu. Một kẻ sống đời êm đềm, sống lâu hơn người có đời sống vội vã, náo nhiệt. Có các giống dơi ngủ suốt mùa đông. Chúng treo cẳng trên vách đá ngưng thở nhiều tháng, và chỉ tỉnh giấc khi xuân đến. Con gấu cũng ngủ suốt mùa đông như thế. Tại sao loài vật làm được mà loài người lại không làm được ? Đó đâu phải phản khoa học hay phản thiên nhiên. Vì các khoa học gia kết luận rằng điều này không thể xảy ra nên không bao giờ họ nhìn thêm điều gì nữa. Đối với người Á châu, bất cứ việc gì cũng có thể xảy ra và thiên nhiên là ông

thầy rất tốt.
- Nhưng như thế đâu có lợi gì, sống lâu thêm vài tháng, vài giờ…
Đạo sĩ mỉm cười một cách bí mật trả lời :
- Một ngày nào đó, bạn sẽ hiểu lời tôi nói. Tôi không thể giải thích gì thêm lúc này. Bạn có tin rằng nếu luyện tập pháp môn này đến mức cao siêu, ta có thể thắng đoạt tử thần không ? Bạn đồng ý rằng ngưng thở là chết, và nếu ta giữ được hơi thở thì ta bảo tồn sự sống có đúng không?
- Dĩ nhiên là như thế.
- Bạn thân mến, một đạo sư có thể cầm giữ hơi thở không những trong nhiều tuần, nhiều tháng, nhiều năm và nhiều thế kỷ, tức là họ có thể kéo dài sự sống theo ý muốn có đúng không ? Ông

bạn đã đồng ý ràng hơi thỏo ở đâu tức là sự sống ở đó kia mà.

- Nhưng làm sao có ai giữ được lâu như thế ?

- Khi bạn lên dãy Hy Mã Lạp Sơn, bạn sẽ gặp những người này và điều này không lạ lùng như bạn nghĩ. Khoa Yoga chân truyền có thể đem lại nhiều quyền năng bất ngờ, lạ lùng, nhưng đã mấy ai khổ công tập luyện. Trong thời buổi điên đảo hiện nay, con người mê mải trong danh lợi, phù phiếm, các ảo ảnh cuộc đời, làm gì có thì giờ suy nghĩ đến sinh hoạt tâm linh. Đó cũng là lý do những người thực sự mong muốn một trạng thái tâm linh thường ẩn mình nơi hoang vắng, các bậc đó không bao giờ phải đi tìm đồ đệ mà người tìm đạo phải đi kiếm các ngài…

Giáo sư Spalding thắc mắc :

- Nhưng sống lâu trong hoang vắng để làm gì chứ ?

- Hiện giờ đầu óc bạn vẫn còn suy nghĩ như người Âu, nghĩa là lý luận theo một chiều. Muốn học hỏi bạn phải cởi bỏ các thành kiến sẵn có, thì mới mong học hỏi những điều mới lạ. Một thời gian nữa bạn sẽ hiểu điều tôi muốn nói . Dĩ nhiên ,các bậc chân sư kéo dài đời sống vì những lý do chính đáng, cao cả chứ đâu tham sống sợ chết như người thường. Trên dẫy tuyết sơn có những vị đã sống cả trăm năm, có vị sống đến cả ngàn năm. Tất cả đều có những sứ mạng riêng nên họ giữ nguyên thể xác. Một đạo sĩ thấp kém như tôi không đủ kiến thức để có ý kiến. Tôi cho bạn biết trước một điều, bạn sẽ cầm về Anh móng tay của một vị Lạt Ma đã sống hơn

bốn trăm năm.
- Liệu ông có thể cho chúng tôi biết làm cách nào để kéo dài đời sống như thế được ?
- Có ba phương pháp kéo dài sự sống. Phương pháp thứ nhất là luyện tập tất cả các tư thế (asana) cùng với môn khí công bí truyền cho thật thuần thục tuyệt hảo. Phương pháp này chỉ có thể thực hiện dưới sự chỉ dẫn của một vị danh sư đã có kinh nghiệm vì sai một ly đi một dặm, đó là chưa kể người tập phải có một nếp sống tinh khiết, trong sạch hoàn toàn. Một ý niệm xấu khi thiền định có thể làm loạn động hơi thở đưa đến tình trạng "tẩu hoả nhập ma", điên loạn hoặc chết ngay. Phương pháp thứ hai là sử dụng dược chất, pha chế các loại thuốc đặc biệt các loại cây cỏ hiếm hoi, phương pháp này

cũng chỉ một thiểu số biết cách bào chế và chỉ truyền lại cho các đệ tử riêng. Phương pháp luyện đơn này chỉ được dùng trong trường hợp đặc biệt vì nó có các hiệu quả không thể lường được. Phương pháp thứ ba là lối mở các kinh kỳ bát mạch, sinh tử huyền quan rất khó giải thích theo khoa học thực nghiệm. Tôi chỉ có thế nói như thế còn tin hay không là quyền của ông. Trong óc con người có một lỗ trống rất nhỏ nằm sâu bên trong, và có một nắp đậy bên ngoài . Nơi cuối cùng của đốt xương sống là sào huyệt của luồng hoả hầu Kundalini. Sự truỵ lạc, trác táng làm tiêu hao sinh lực, khiến con người trở nên già nua, cằn cỗi. Trái lại, nếu biết kiểm soát ta có thể tiết kiệm sinh lực. Khi một người làm chủ toàn xác thân, y sẽ kiểm soát được luồng hoả

hầu này. Chỉ những đạo sĩ Yogi thượng thặng mới dám luyện tập đến luồng hoả hầu, khiến nó thức tỉnh đi ngược lên trên theo xương sống khai mở các bí huyệt, các trung tâm quan trọng nằm dọc theo lộ trình. Khi mở được nắp đậy lỗ hổng ngay trong óc để luồng hoả hầu Kundalini chui vào cư ngụ nơi đây, ta sẽ khai mở nhiều quyền năng, cải lão hoàn đồng kéo dài sự sống. Sự khó khăn nhất là việc mở được cái nắp đậy trên óc, việc này có khi cần sự trợ giúp của một danh sư sử dụng nội lực giúp y đả thông kinh kỳ bách mạch. Việc này rất khó vì kẻ táo bạo luyện công dễ mất mạng như chơi. Người thành công có thể kéo dài sự sống như ý muốn và khi chết thể xác họ vẫn tươi tốt như khi còn sống, và không hề hư hại…

Giáo sư Spalding im lặng, tât cả những điều vị đạo sĩ tiết lộ, thật lạ lùng, ngoài tầm hiểu biết của khoa học. Chắc chắn khoa sinh lý học không thể chấp nhận luồng sinh lực vô hình này. Có lẽ nó xuất phát từ trí tưởng tượng của các đạo sĩ chất phác, mê tín chăng ? Có nên tin hay không ? Như đọc đưọoc tư tưởng của giáo sư, đạo sĩ mỉm cười :

- Tôi biết ông bạn nghi ngờ vì các điều đó hoàn toàn trái với lý thuyết khoa học nhưng bạn hỡi, minh triết bao trùm mọi khoa học, nó là khoa học vũ trụ, so với môn khoa học thực nghiệm thì môn này chỉ là một mãnh vụn.

- Một ngày nào đó, khoa học sẽ tiến đến vấn đề tôi vừa trình bày, lúc đó tình trạng hiểu biết của nhân loại đã tiến hoá cao hơn bây giờ, nên có

thể hiểu biết một cách chính xác hơn. Bạn nên hiểu luật vũ trụ định rằng khoa học thực nghiệm phải luôn luôn đi song song với sự tiến hoá của nhân loại. Vài trăm năm trước có phải khoa học lúc đó thật là ấu trĩ so với bây giờ hay không ? Nếu đi ngược dòng lịch sử, bạn có thấy rõ mực tiến hoá của khoa học và nhân loại luôn luôn bổ túc cho nhau không ? Thời tiền sử, nói về nguyên tử lực là điều vô lý và có nói cũng chả ai hiểu. Thời Trung Cổ, nếu có giảng giải về không gian sẽ bị kết án là phù thuỷ. Lịch sử Âu châu đã chứng minh rằng những người thông minh quá đều bị chế nhạo, là điên khùng rồi bị thiêu sống. Đó cũng là lý do các bậc danh sư không hề xuất hiện và các phương pháp tu hành được gìn giữ cẩn thận, bí mật, chỉ những người thành tâm

mới được dạy bảo.
- Nhưng có cách nào một người Âu như tôi được truyền dạy các điều này không ?
- Được lắm chứ, nhưng liệu bạn có sẵn sàng từ bỏ chốn phồn hoa đô hội để ẩn mình nơi hoang vu, tịch mịch tu học không ?
- Điều này…cũng được, nhưng tôi phải thu xếp công việc đã….
- Bạn có sẵn sàng từ bỏ mọi hoạt động vui thú phàm tục để hoàn toàn dành cho việc thực hành pháp môn Yoga – không phải vài ngày, vài giờ , mà trọn đời.
- Nhưng chảng lẽ trọn đời chỉ có làm thế thôi…có lẽ khi tôi già đã…
Đạo sĩ bật cười :
- Bạn mến, Yoga không phải một trò tiêu khiển

trong lúc nhàn rỗi hoặc khi tuổi già bóng xế. Người Âu các ông sao ham hoạt động và tham lam quá vậy ?

Giáo sư Spalding đỏ mặt cãi :

- Nhưng tập Yoga để làm gì ? Kéo dài đời sống khổ hạnh thêm vài năm có ích lợi gì đâu ?

Đạo sĩ nghiêm mặt :

- Ai bảo mục đích Yoga là cầu sống lâu ? Sống khổ hạnh mà không có ý nghĩa để làm gì ? Phần lớn các đạo sĩ luyện thân thể cường tráng sống lâu hơn người khác chưa thấu hiểu được mục đích tối hậu. Bạn nghĩ các bậc chân sư chỉ lo sống thêm ít lâu thôi hay sao ? Người đời thường chỉ hiểu một chiều, và đi ngay đến kết luận. Chinh phục thể xác chỉ là bước đầu đưa con người đến việc chinh phục tinh thần. Giữ

cho mình không hành động xấu thì dễ nhưng giữ cho tâm không nghĩ xấu mới khó khăn gấp bội, và đòi hỏi nổ lực phi thường. Đời người quá ngắn, việc tập luyện kiểm soát thể xác đã đòi hỏi nhiều năm, không đủ để tu tập tinh thần. Do đó, các đạo sĩ mới kéo dài thêm đời sống. Môn Hatha Yoga như tôi nói chỉ nhắm mục đích chủ trị xác thân, khi thành công phải tu tập thêm Raja Yoga nhắm chủ trị tinh thần nữa chứ. Hatha Yoga dọn đường cho Raja Yoga ...

- Thế tại sao ta không tập Raja Yoga ngay có hơn không ?

Đạo sĩ lại bật cười :

- Người Âu thật hấp tấp, muốn đi xa phải đi từ từ, phải tập đi trước khi tập chạy chứ. Đốt giai đoạn là bảo đảm thất bại. Khi thể xác chưa làm

chủ nổi thì làm sao đã đòi làm chủ tinh thần…
Giaó sư Spalding nôn nóng :
- Nhưng làm sao tôi có thể học môn Raja Yoga, bạn có thể chỉ cho tôi thêm về môn này không?
- Này ông bạn, việc gì cũng có duyên phận, nếu đủ duyên bạn sẽ gặp thầy hay bạn giỏi. Hãy có một lòng khao khát chân lý rồi định mệnh sẽ dẫn dắt bạn.
- Nhưng tôi đâu quen biết ai, các bậc chân sư đâu có tên trong điện thoại niên giám – tôi làm sao gặp các ngài ?
Đạo sĩ mỉm cười một cách bí mật.
- Hãy vững niềm tin, lòng khao khát cầu đạo có một tư tưởng mạnh mẽ và chắc chắn sẽ được đáp ứng. “Hãy gõ cửa rồi cửa sẽ mở, hãy tìm rồi sẽ gặp”, bạn quên rồi sao ?

Giáo sư Spalding giật mình, một lần nũua câu nói quen thuộc trong Kinh thánh lại được nhắc nhở bởi một đạo sĩ xứ Ấn. Ông bối rối không biết nói gì. Đạo sĩ mỉm cười nói tiếp :

- Người Âu có tính tò mò, cái gì cũng muốn biết. Thực hành mới là quan trọng, chứ biết suông để làm gì ? Phương pháp rèn luyện tinh thần cũng giống như thể xác thôi. Nếu tập luey̥6n thể thao đều đặn thì bắp thịt sẽ nảy nở, rắn chắc; thì rèn luyện tinh thần cũng vậy. Nhiều người có các tính xấu như ích kỷ, tham lam, hà tiện, đa nghi… Do đó, họ hành động không tốt với người khác. Đa số cho rằng đó là bản tính tự nhiên, không đổi được. Thật ra, nếu muốn ta có thể sửa đổi mọi tính tình. Nếu một tập luyện đúng cách làm bắp thịt nở nang thì sự kiểm soát thích nghi sẽ

tạo các đức hạnh cần thiết . Kinh Rig Veda đã ghi rõ : “Kẻ nào quan niệm sự tiến hoá một cách rõ ràng chính xác sẽ ý thức được quyền lợi và hạnh phúc của mình. Muốn trở nên một bậc toàn thiện ta phải có các đức hạnh và can đảm. Người nào muốn cải thiện xã hội phải biết cải thiện mình trước đã. Phải biết quên quyền lợi riêng để chú tâm vào phận sự chung. Phải hiểu rằng các cơ hội tiếp xúc với mọi người đều tạo cho ta cơ hội phụng sự. Phụng sự mọi người chính là phụng sự thượng đế. Những người nhiệt tâm sửa mình phải ý thức quyền năng vô hạn của tư tưởng vì hành động phát sinh từ tư tưởng. Người tìm đạo phải biết kiểm soát tư tưởng của mình và sử dụng chúng một cách hợp lý và bác ái. Kiểm soát tư tưởng là mục đích của môn Raja

Yoga. Trở ngại lớn nhất của những người luyện tâm, rèn chí là sự kiêu ngạo và óc chỉ trích. Với óc chỉ trích, con người công kích tất cả họ sẵn sàng bôi nhọ mọi đức hạnh, tìm sự sai quấy ở khắp mọi người. Người tu pháp Raja Yoga phải có thái độ ngược lại, phải tìm thấy điều thiện ở tất cả mọi người và nhìn thấy mọi sự đều có cái lý riêng của nó. Có thế họ mới giúp mình và người khác được . Trở ngại thứ hai là sự nông nổi, làm điều này chưa xong, đã nhảy sang việc khác. Vừa bắt tay vào việc đã mong thấy kết quả và nếu kết quả chưa như ý muốn liền bỏ điều theo đuổi, để nhảy sang một điều khác. Rốt cuộc không có điều gì xong cả. Thái độ này không thể chấp nhận được. Sự bền tâm kiên chí là điều cần thiết để chủ trị tư tưởng. Dĩ nhiên, kiếp người

ngắn ngủi không ai có thể trừ hết thói hư, tật xấu trong một kiếp, do đó, việc tu hành cũng kéo dài trong nhiều kiếp sống. Khi đó họ sẽ ý thức các sự kiện vĩ đại của sự sống vô cùng và rời bỏ cái bản ngã để hoà mình vào giòng tiến hoá của vũ trụ, hoà nhập với Chân Ngã bất diệt.

- Như thế môn này sẽ giúp ta trở nên một vị thánh ?

- Này ông bạn, đừng nên kết luận vội vàng. Con đường dẫn đến quả vị tiên thánh đâu phải chỉ có một. Có nhiều con đường đưa đến chân lý và không đường nào hơn đường nào. Đây là một điều vô cùng quan trọng mà bạn phải ghi nhớ mãi mãi. Không một con đường nào hơn đường nào dù là Hatha Yoga hay Raja Yoga hay là môn gì chăng nữa. Tại sao ta cứ nghĩ pháp môn này

mới hay, tôn giáo kia mới tốt? Không một đường nào có thể là duy nhất được. Tốt hơn cả hãy tự biết mình. Thay vì tìm một chân lý tuyệt đối, hãy tìm sự tuyệt đối nơi mình vì chân lý để sống chứ không phải để dạy.

Giaó sư Spalding im lặng không thốt lên câu nào. Lời nói của đạo sĩ như có một sức mạnh vang dội trong lòng ông. Các thành kiến từ trước bỗng tan biến hết và ông cảm thấy xúc động vô cùng.

Đạo sĩ mỉm cười :

- Này ông bạn, không một vị thánh nào vỗ ngực xưng danh mà chỉ có các kẻ còn u mê trong bản ngã mới tha thiết đến danh vọng, địa vị. Khi họ đeo đầy mình những chức tước, thì làm sao họ giải thoát được ? Thượng đế ban cho ta trí thông

minh để nhận xét thì ta phải biết phân biệt chứ. Hãy nhìn thành Benares với cả trăm đền thờ khác nhau, hàng ngàn giáo sĩ, tông phái. Ai cũng tự nhận rằng phe mình gần thượng đế nhất. Tại sao suốt hai năm nay phái đoàn các ông đã đi khắp nơi, thăm viếng mọi chỗ mà vẫn không thoả mãn ? Phải chăng vì sự hiểu biết phân biệt của các ông đã cao, không chấp nhận sự mê tín, mù quáng nữa. Kinh Gita nói rõ, “Thầy nào, trò nấy. Một tu sĩ chân chính không có đệ tử bất hảo, và một đệ tử thông minh không tìm thầy bất lương”. Luật thiên nhiên đã dạy “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Một người sáng suốt đâu thể đi theo kẻ u mê… Một tu sĩ hiểu biết phải lo làm chủ chính mình để cầu giải thoát chứ đâu phải lo lôi kéo đệ tử cho đông, xây cất

các đền đài cho đẹp, để tự hào về các thành quả này. Như thế là phô trương bản ngã, kiêu căng, ngã mạn làm sao còn giải thoát được. Bạn hãy sử dụng lý trí và trực giác để phân biệt những người này, nếu bạn tha thiết mong cầu chân lý thì chắc chắn điều mong ước sẽ thành sự thật. Chúng ta gặp nhau thế này cũng đã quá đủ, đã đến lúc tôi phải trở về am thất.

- Nhưng làm sao tôi sẽ gặp lại ông…tôi chưa biết tên ông.

- Hãy gọi tôi là Bramananda.

Giáo sư Spalding yên lặng nhìn vị đạo sĩ khuất dần qua hàng cây rậm rạp. Bóng chiều từ từ rơi xuống trên sông Hằng.

hết: Chương II, xem tiếp: Chương III

Chương III

Khoa học thực nghiệm và Khoa học chiêm tinh bí truyền

Lawrence Keymakers là một người Anh giàu có, sống tại Benares nhiều năm. Ông làm chủ nhiều xí nghiệp lớn và có một kiến thức rất rộng về xứ này. Thương gia Lawrence khoản đãi phái đoàn trong toà biệt thự rộng, xây cất bên bờ sông Hằng.

Sau câu chuyện xã giao, giáo sư Allen lên tiếng :

- Bạn nghĩ sao về những điều người Ấn gọi là Minh Triết thiêng liêng và những sự kiện mê tín dị đoan xảy ra ngoài chợ ?

Lawrence lắc đầu :

- Xứ này vẫn có những trò biểu diễn như thế, nhưng ngoài những cái mà ta cho là ảo thuật hoặc mê tín dị đoan còn ẩn náu những ý nghĩa tâm linh rất ít ai biết được. Muốn tìm hiểu phải nghiên cứu cặn kẽ chứ không thể kết luận vội vã…

Giáo sư Oliver bật cười :

- Bạn cho rằng những trò ngồi bàn đinh, thổi kèn gọi rắn còn ẩn dấu những ý nghĩ tâm linh hay sao?

- Tuỳ tâm trạng của mình mà xét đoán sự kiện, nếu ta nhìn nó dưới cặp mắt của người Âu thì ta sẽ chỉ thấy nó là một trò múa rối, không hơn không kém, nhưng nếu ta gạt bỏ các thành kiến, biết đâu ta chẳng học hỏi thêm được nhiều điều.

Giaó sư Allen châm biếm :

- Bạn ở Ấn đã lâu, chắc đã học hỏi được nhiều điều mới lạ...

Lawrence mỉm cười :

- Đúng thế, tôi đã học hỏi rất nhiều và điều đầu tiên tôi học được là sự khiêm tốn. Chỉ có sự khiêm tốn mới giúp ta học hỏi thêm những điều mới lạ. Các bạn hãy nhìn ly nước đầy trên tay tôi đây, nếu tôi tiếp tục rót thêm thì nước sẽ tràn ra ngoài. Trừ khi tôi đổ bớt nước trong ly đi thì tôi mới rót thêm nước vào được. Kiến thức cũng thế, chỉ khi ta khiêm tốn gạt bỏ những thành kiến có sẵn ta mới tiếp nhận thêm được những điều mới lạ. Các bạn muốn nghiên cứu học hỏi những minh triết của xứ Ấn, nhưng vẫn giữ thành kiến của người Âu, khinh bỉ mọi sự thì có khác chi ly nước đầy, làm sao rót thêm nước vào

được nữa ?
Mọi người im lặng, câu nói thẳng của vị thương gia ít nhiều đã va chạm tự ái phái đoàn. Dù sao họ cũng là những khoa học gia nổi tiếng nhất của Hoàng Gia Anh, lúc nào cũng được nể vì, kính trọng. Để phá tan bầu không khí nặng nề, giáo sư Morimer chỉ một hình vẽ lạ lùng treo trên tường :
- Đây là hình vẽ gì vậy ? Trông như các tinh tú thì phải…?
- Bạn nói đúng, đó là lá số tử vi của tôi.
Mọi người bật cười, giáo sư Allen khôi hài :
- Lá số tử vi ? Lawrence thân mến, bạn đã trở thành người Ấn hồi nào vậy ?
Lawrence nghiêm mặt :
- Đây là một món quả vô giá của Sudeih Babu,

nhà chiêm tinh giỏi nhất Ấn độ.

Toàn thể phái đoàn phá lên cười, vì nghĩ đến những gã thầy bói ngồi xổm bên lề đường. Khắp xứ Ấn, chỗ nào cũng có thầy bói, thầy tướng kiếm ăn qua sự mê tín của dân chúng. Đồ nghề của họ là một vài cuốn sách bẩn thỉu, vài niên lịch lạ lùng. Họ tự hào có thể biết rõ số phận sang hèn mọi người, nhưng hình như không biết gì về số phận của chính họ.

Lawrence lắc đầu :

- Sudeih là một vị thầy, một người thuộc giai cấp thượng lưu quý phái chứ không phải loại thầy bói hạ cấp. Y nghiên cứu tử vi từ nhỏ và có thể biết trước nhiều điều quan trọng. Các bạn muốn khảo cứu hiện tượng huyền bí sao không đến gặp y. Biết đâu y chả giúp các bạn, Sudeih có thói

quen là không bao giờ tiếp khách lạ nhưng y là bạn thâm giao của tôi, tôi sẽ hết lòng giới thiệu.
Giaó sư Allen lắc đầu :
- Chúng tôi muốn nghiên cứu nền văn minh xứ Ấn, chứ không phải xem vận mạng hên xui tốt xấu.
Lawrence mỉm cười bí mật :
- Như thế các bạn lại càng phải đến gặp nhà chiêm tinh này. Các bạn nên nhớ dù muốn, chưa chắc Sudeih đã chịu tiếp các bạn. Chính tiểu vương xứ Punjab đến xin yết kiến ba ngày, ba đêm mà Sudeih cũng không thèm tiếp…
Nhà chiêm tinh ở một biệt thự rộng lớn, quanh nhà trồng rất nhiều cây cảnh. Đã có hẹn trước nên gia nhân mời tất cả mọi người vào trong phòng khách. Đó là một căn phòng rất lớn, trang

trí sang trọng như phòng một ông hoàng.
Sudeih Babu là một người Ấn gầy gò, nhỏ bé, nhưng có một đôi mắt sáng ngời, chứng tỏ một đời sống nội tâm dồi dào. Y di chuyển hết sức chậm rãi như một con mèo và nói bằng một tiếng Anh rất đúng giọng và lịch sự :
- Keymakers cho biết các ông muốn tìm hiểu về khoa chiêm tinh ?
Giaó sư Oliver nói ngay :
- Xin ông hiểu cho, chúng tôi muốn sưu tầm các hiện tượng huyền bí chứ không hoàn toàn tin tưởng gì về môn này.
Babu im lặng nhìn mọi người, y lạnh lùng :
- Nếu các ông muốn, tôi có thể lấy lá số tử vi cho các ông.
Giáo sư Oliver nghi ngờ :

- Xin ông đừng dài dòng về tương lai và may rủi. Hãy nói thử về quá khứ của tôi xem sao .

Babu gật đầu hỏi giáo sư Oliver vài câu về ngày sinh rồi y phóng bút vẽ các ký hiệu lạ lùng lên một tờ giấy. Y chậm rãi tuyên bố :

- Ông sinh trưởng trong một gia đình thương gia. Từ nhỏ ông nuôi mộng hải hồ thích du lịch, nhưng gia đình ông nghiêm khắc ngăn cấm. Thân phụ ông muốn con mình phải theo học về thương mại tại Oxford để nối nghiệp. Tuy nhiên, ông lại có năng khiếu về khoa học, nên chỉ một thời gian ngắn ông đã chuyển qua ngành Vật lý học. Cha ông giận quá, nhất định không giúp đỡ gì ông nữa. Gia tài sự nghiệp truyền cho các em ông. Đến khi ông trở nên một khoa học gia lỗi lạc của Hoàng Gia thì cha ông lại bắt ông trở về

đi vào con đường chính trị. Dưới áp lực gia đình, ông thành hôn với một thiếu nữ giòng dõi quý tộc. Cuộc hôn nhân không mang lại hạnh phúc và ông vùi đầu trong phòng thí nghiệm để tìm quên. Người vợ quen thói giao thiệp rộng đã phá nát tài sản, sự nghiệp và còn ngoại tình. Cha ông buồn phiền, thất vọng qua đời. Ông chịu đựng người vợ suốt 18 năm cho đến khi bà ta từ trần. Sau khi thu xếp mọi việc, ông gia nhập phái đoàn với mục đích rời xa Luân-đôn và thoả mãn giấc mộng hải hồ.

Giaó sư Oliver ngồi im không thốt lên một tiếng, chứng tỏ những điều Babu nói không sai. Một không khí nặng nề bao trùm căn phòng. Babu lạnh lùng tiếp :

- Ông có muốn tôi nói thêm chi tiết hay nói về

tương lai nữa không ?

Giáo sư Oliver lắc đầu xua tay, mặt mày tái nhợt như người vừa trải qua một điều gì kinh khủng. Giáo sư lên tiếng :

- Nhưng tại sao các tinh tú ở xa lại ảnh hưởng đến từng cá nhân được ?

Babu thong thả trả lời :

- Nếu tinh tú ở xa quá thì khoa học thực nghiệm giải thích thế nào về ảnh hưởng của mặt trăng đối với nước thuỷ triều lên xuống hoặc chu kỳ trong thân thể đàn bà ?

- Nhưng nếu tôi bị tai nạn thì điều đó ăn nhập gì đến các hành tinh.

Babu lắc đầu mỉm cười :

- Các ông nên nghĩ thế này, tinh tú chỉ là biểu tượng mà thôi. Tự nó không ăn nhập gì đến

chúng ta hết, mà chính cái dĩ vãng của ta đã ảnh hưởng đến đời sống hiện tại. Tinh tú chỉ phản chiếu lại cái ảnh hưởng này mà thôi. Không ai có thể hiểu khoa chiêm tinh nếu họ không tin luật Luân Hồi (Reincarnation). Con người chết và tái sinh trở lại trong nhiều kiếp. Định mệnh của y theo dõi và ảnh hưởng lên đời sống của y theo luật Nhân Qủa (Karma – cause and effect). Nếu ta không tin con người chết đi và đầu thai lại để học hỏi, để tiến hoá, để trở nên một người toàn thiện, thì mọi sự đều là ngẫu nhiên hay sao ? Một thượng đế công bình, bác ái có lẽ nào dung túng điều này ? Khi qua đời thể xác hư thối tan rã nhưng tính tình, dục vọng, ý chí vẫn còn nguyên cho đến khi ta đầu thai vào một kiếp sống mới thì những tính này sẽ trở nên cá tính

(personality) của kiếp sau. Các hành tinh chỉ là tấm gương ghi nhận các nguyên nhân này và phản chiếu trở lại. Bất cứ một hành động nào cũng tạo nên một nguyên nhân dù xấu hay tốt, ví như ta ném một trái bóng lên không trung. Trước sau gì nó cũng rơi xuống vì trọng lượng và ảnh hưởng của sức hút trái đất, nhưng đến khi nào nó rơi xuống còn tuỳ sức ném của ta nặng nhẹ ra sao. Khoa chiêm tinh nghiên cứu các vũ trụ tuyến này để đoán được khi nào cái nguyên nhân trước sẽ trở lại. Babu im lặng một lúc và thong thả giải thích thêm. Trước khi đi xa hơn, tôi muốn các ông hiểu lịch sử chiêm tinh để có một cái nhìn thật đứng đắn. Từ ngàn xưa, chiêm tinh học vẫn được coi là một khoa học quan trọng. Chiêm tinh gia chỉ đứng ở địa vị thứ

hai, sau Giáo sĩ mà thôi. Đối tượng của khoa chiêm tinh là vũ trụ. Tiếc thay phần này đã bị thất truyền, chỉ còn phần nhỏ nói về sự liên hệ giữa con người và các bầu tinh tú, còn được lưu truyền đến nay và được xem là khoa bói toán. Khoa chiêm tinh có từ lúc nào không ai biết, nhưng hiền triết Bhrigu đã truyền dạy các môn đồ của ông vào khoảng 6000 năm trước. Nòng cốt của nó nằm trong bộ sách Brahma Chinta, do ông soạn ra. Bhrigu có bốn đệ tử. Người thứ nhất rất giỏi về khoa học đã đi sang Ba Tư (Iran) lập nghiệp, từ đó ngành chiêm tinh đi về hướng Tây và ảnh hưởng đến Hy Lạp và La Mã sau này. Người thứ hai rất giỏi về triết học đi về phương Đông, sang Trung Hoa truyền bá ngành này ở đây. Người thứ ba thích nghiên cứu những hiện

tượng siêu hình đã lên Tuyết Sơn nhập thất và sau truyền môn này cho dân chúng Tây Tạng. Người thứ tư ở lại xứ Ấn, và làm đến chức quốc sư. Bộ sách Brahma Chinta được coi là quốc bảo cất trong cung điện. Sau này, các hoàng tử tranh cướp ngôi vua đã giành nhau bộ sách quý. Sau mấy chục năm chinh chiến, bộ sách được phân chia làm nhiều phần, mỗi ông Hoàng giữ một mảnh, và tứ đó khoa chiêm tinh trở nên thất truyền - - Các mảnh vụn này đã được các thầy bói sưu tầm, ghi chép lại để kiếm ăn , nhưng họ chỉ nắm một vài then chốt chứ không sao hiểu hết. Như các ông thấy, căn nhà này rất lớn, gồm có 49 phòng, mỗi phòng đều chứa đầy các sách vở do tôi sưu tầm. Tất cả gia tài sự nghiệp của tôi đều được sử dụng để sưu tầm các sách cổ…

Tôi xuất thân từ một gia đình hoàng tộc nhưng tôi chỉ ham mê khoa chiêm tinh. Tôi bỏ ra mấy chục năm nghiên cứu, theo học các vị chiêm tinh gia nổi tiếng cho đến khi sưu tầm được bộ Brahma Chinta. Dĩ nhiên, bộ sách này nguyên bản mấy ngàn trang nhưng tôi chỉ sưu tầm được có vài trăm trang và tốn gần 20 năm nghiên cứu nó.

Babu mỉm cười nhìn giáo sư Oliver :

- Bạn Oliver thân mến, lá số tôi lấy cho ông rất khác thường so với người Âu. Tin hay không tuỳ ý bạn, đúng hay sai, chỉ bạn biết, nhưng tôi muốn nói thêm rằng các nghiệp quả đã trả xong. Đời bạn đã bước vào một khúc quanh quan trọng. Lá số cho thấy bạn đã đến bên thềm Đạo và sẽ được một sự dìu dắt của một hiền giả.

Giáo sư Oliver cảm động xiết chặt đôi tay gầy guộc của nhà chiêm tinh. Toàn thể phái đoàn cũng xúc động không kém. Khi trước họ đã nghi ngờ khoa bói toán, nhưng sự kiện vừa xảy ra đã thay đổi tất cả. Không ai ngờ giáo sư Oliver lại có một đời sống cá nhân bất hạnh như thế. Babu đưa toàn thể phái đoàn đi xem những căn phòng chứa sách với những tủ lớn chứa đựng hàng ngàn cuốn sách cổ. Giáo sư Mortimer, một nhà khảo cổ học của trường Harvard đã phải kinh ngạc trước kho tàng sách vở vô giá này. Có những bộ sách viết trên lá buôn (payrus) cả ngàn năm trước, xen lẫn các tài liệu khắc trên gỗ vào thế kỷ thứ 6. Toàn thể phái đoàn có cảm tưởng như phần lớn kho Minh Triết xứ Ấn đều tập trung nơi đây. Giáo sư Mortimer lên tiếng :

- Những sách vở này nói về những gì vậy ?
- Đó là những sách về vấn đề Tôn Giaó, Minh Triết Cổ Truyền, Triết Học Ấn độ.
- Như thế ông cũng là một triết gia ?
Babu mỉm cười :
- Một người không hiểu về triết lý sẽ chỉ là một hạng chiêm tinh tồi hay thầy bói hạ cấp.
- Ông có thu nhận đệ tử không ?
- Có rất nhiều người đến xin tôi dạy dỗ nhưng tôi từ chối vì thấy họ không đủ thiên tư để lĩnh hội hay không đủ ý chí để đi đến cùng. Tôi nghĩ mình chưa đủ sức làm thầy ai hết mà chỉ là một người ham mê nghiên cứu, cũng như các ông là những khoa học gia say mê kiến thức khoa học.
- Nhưng ông cũng dùng chiêm tinh để hướng dẫn đời mình chứ ? Ông có thể xem được quá

khứ vị lại kia mà.

Babu lắc đầu :

- Không đâu, tôi đã tìm thấy ánh sáng Chân Lý, và không cần đến khoa chiêm tinh nữa. Khoa học này chỉ hữu ích cho những kẻ còn lần mò trong bóng tối. Tôi đã hoàn toàn trao trọn đời mình vào tay thượng đế (brahman). Không còn lo nghĩ, ưu phiền gì về tương lai nữa. Bất cứ điều gì xảy ra tôi cũng chấp nhận như ý muốn của Ngài.

- Nếu ông bị kẻ hung dữ hãm hại làm lâm nguy tính mạng thì ông có cho đó là thiên ý không ? Ông sẽ làm gì để tự vệ chứ ?

- Tôi biết rằng trong khi nguy cấp chỉ cần cầu nguyện là đủ. Cầu nguyện là cần thiết vì lo âu chẳng ích gì. Nhiều khi tôi gặp khó khăn, lúc đó

tôi ý thực sự giúp đỡ của thượng đế hơn bao giờ hết. Các bạn có biết rằng tôi đã xé bỏ lá số tử vi của mình từ khi tìm thấy ánh sáng Chân Lý. Tôi tin chắc rằng con người có thể cải tạo tinh thần để hoà hợp với thượng đế, còn các việc xảy ra do hậu quả của quá khứ ta không thể thoát được thì lo lắng có ích gì ?

Ý niệm về thượng đế là điều phái đoàn luôn luôn nghe nói đến, người dân Á châu có một tinh thần tôn giáo rất mạnh, tôn sùng thượng đế quá nhiệt thành. Họ đâu hiểu rằng người Âu vốn có óc hoài nghi, thường thay thế cái đức tin đơn giản bằng cái lý trí phức tạp. Làm sao họ có thể hiểu rằng thượng đế chỉ là một quan niệm, một giả thuyết cũng như trăm ngàn giả thuyết khác nghĩa là cần phải chứng minh cụ thể.

Babu mỉm cười như đọc được ý nghĩ mọi người :
- Này các bạn, cái lý trí tự cao tự đại của con người không có ích gì cả. Chỉ khi nào họ đạt đến trạng thái tĩnh lặng của tâm hồn, họ mới ý thức các luật huyền bí vũ trụ và sự nhỏ bé của con người. Khi tách khỏi trạng thái u mê của lý trí, họ mới ý thức sự an lạc tuyệt vời khi hoà hợp với thượng đế.
Giáo sư Allen lắc đầu :
- Tại sao ông không nghĩ rằng đó là một ảo ảnh ? Một sự tưởng tượng ?
Babu bật cười :
- Này các bạn, một bà mẹ sinh con có khi nào lại nghi ngờ rằng đứa con đó không có thật. Khi hồi tưởng lúc lâm bồn, có khi nào bà ấy cho rằng đó chỉ là một sự tự kỷ ám thị ? Khi nhìn đứa con

mỗi ngày một lớn khôn làm sao bà mẹ lại nghĩ rằng đứa bé không hiện hữu? Sự giác ngộ tâm linh là một biến cố vô cùng quan trọng trong đời người, mà không ai có thể quên được vì từ đó, con người hoàn toàn thay đổi, trở nên một người mới .

Babu liếc mắt nhìn toàn thể phái đoàn, tất cả đều là những giáo sư, khoa học gia danh tiếng nhất… Y mỉm cười tuyên bố :

- Chúng ta chỉ mới ở vào buổi bình minh của khoa học, nhưng mỗi khám phá mới, mỗi kiến thức mới, đều đem lại cho chúng ta một bằng chứng rằng, vũ trụ này là công trình của một đấng hoá công. Hãy lấy một thí dụ toán học cho dễ hiểu. Nếu ta bỏ vào túi 10 thẻ nhỏ, mỗi thẻ có ghi từ số 1 đến số 10, và tuần tự rút ra từng cái

một. Sau khi rút xong ta lại bỏ thẻ vào túi, trộn đều và rút ra lần nữa. Làm sao ta có thể rút tuần tự từ số 1 đến số 10? Theo toán học, ta phải rút mười lần, mới có một lần rút được thẻ mang số 1. Phải rút 100 lần mới có một lần rút được số 1 và 2. Phải rút 1000 lần mới được số 1, 2, 3 liên tiếp. Nếu muốn rút theo thứ tự từ 1 đến 10, thì trường hợp đặc biệt này chỉ có thể xảy ra một lần trong mười tỷ lần, có đúng không ? Nếu áp dụng toán học vào các điều kiện tạo đời sống ở quả đất này, thì ta thấy nguyên lý ngẫu nhiên không sao hội đủ các điều kiện cần thiết. Vậy thì ai đã tạo ra nó ? Trái đất quay quanh trục của nó với vận tốc 1600 cây số một giờ ở giữa đường xích đạo. Nếu nó quay chậm 10 lần thì ngày sẽ dài gấp 10 và dĩ nhiên sức nóng của mặt trời

cũng gia tăng gấp 10 lần. Thế thì cây cối, sinh vật đều bị thiêu sống hết còn gì. Nếu cái gì chống được sức nóng cũng chết lạnh vì đêm cũng dài ra gấp 10 và sức lạnh cũng tăng lên gấp 10 lần kia mà. Ai đã làm trái đất quay trong một điều kiện tốt đẹp như thế ? Mặt trời là nguồn sống của quả đất phải không ? Mặt trời nóng khoảng 5500 độ bách phân. Quả địa cầu ở đúng một vị trí tốt đẹp không xa quá mà cũng không gần quá. Vừa vặn đủ để đón nhận sức nóng của mặt trời. Nếu sức nóng mặt trời gia tăng một chút, ta sẽ chết thiêu, và ngược lại nếu sức nóng mặt trời giảm đi một chút, ta sẽ chết rét. Tại sao trái đất nằm ở điều kiện thuận lợi như vậy ? Trục trái đất nghiêng theo một toa độ là 23 độ. Nếu trái đất đứng thẳng, không nghiêng theo bên nào thì

sẽ không có thời tiết bốn mùa. Nước sẽ bốc hơi hết về hai cực và đồng thành băng giá cả. Mặt trăng là một vệ tinh của trái đất, điều khiển thuỷ triều biển cả. Nếu nó không cách xa trái đất 380 000 cây số mà xích lại gần hơn 80 000 cây số thì một cuộc hồng thuỷ sẽ xảy ra. Nước sẽ bị sức hút dâng lên ngập tất cả các lục địa mỗi ngày hai lần. Tóm lại tất cả mọi đời sống trên mặt địa cầu sẽ biến mất, nếu các điều kiện sai lệch đi một ly. Nếu nói rằng đời sống chỉ là một sự ngẫu nhiên thì trong tỷ tỷ lần may ra mới có một điều kiện tốt đẹp hoàn toàn để có được sự sống như thế .
Babu quay sang nhìn giáo sư Allen, một nhà sinh vật học của trường Harvard :

- Nếu toán học xem có vẻ trừu tượng quá, hãy thử quan sát thiên nhiên dưới cái nhìn của khoa

sinh vật học (Biology) xem sao. Với khả năng sinh tồn của mọi vật, ta thấy sự hiện diện của tạo hoá rất chu đáo. Sự sống không có sức nặng hay bề đo mà mạnh mẽ làm sao. Bạn hãy nhìn một rễ cây non nớt, mềm yếu, vậy mà nó có thể soi nứt một tảng đá cứng rắn. Sự sống chinh phục không khí, đất, nước. Nó thống trị mọi nguyên tố, nó bắt buộc vật chất tan rã rồi lại kết hợp thành các hình thể mới. Sự sống là nhà điêu khắc nặn thành những hình thể mới lạ, là hoạ sĩ vẽ những cảnh vật thiên nhiên tô điểm cho tạo hoá. Sự sống cũng là nhạc sĩ dạy chim hót thánh thót, dạy côn trùng ngân nga, là nhà hoá học chế các hương thơm, quả ngọt. Sự sống từ các loài thảo mộc thu hút thán khí biến thành dưỡng khí nuôi muôn loài. Hãy nhìn những giọt nguyên

sinh chất (protoplasm) trong suốt gần như vô hình, mắt ta không thể nhìn thấy, mà nó di động nhờ hấp thụ sinh khí thái dương. Chính cái tế bào đơn độc này chứa mầm sống của muôn loài, và là cội nguồn của toàn sự sống theo khoa học thực nghiệm. Tự nó không tạo ra sự sống vậy thì sự sống ở đâu đã đến . Này các ông bạn, cá hồi (salmon) sinh ra ở nước ngọt, theo dòng nước ra biển và sống ở đây cho đến khi trưởng thành rồi lại trở về nguồn. Hãy nhìn nó lội ngược dòng về sinh quán, nó bơi một mạch đâu hề phân vân lưỡng lự. Nếu ta bắt nó đem đến một chỗ khác, nó vẫn trở lại nơi xưa. Ai đã dạy cho nó phân biệt một cách chắc chắn như vậy ? Loài lươn biển cũng thế, chúng rời sinh quán từ các ao hồ, sông lạch khắp nơi trên thế giới để bắt đầu một

cuộc du hành đến tận ngoài khơi quần đảo Bermuda. Muốn đến đây, một con lươn Âu châu phải đi gần 4000 cây số, lươn Á châu phải đi xa hơn, có khi gần 8000 cây số. Chỉ tại đây chúng mới sinh sản và chết. Các con lươn con sinh ra tại đây không biết gì về sinh quán mà vẫn trở về quê hương xa xôi của cha mẹ chúng nó. Biết tìm về một cái lạch ở Pháp hay một cái hồ ở Nam dương. Giống nào về nhà giống đó, một con lươn Pháp không bao giờ bị bắt ở Ấn độ và một con lươn giống Thái lan không bao giờ đi lạc sang Phi châu. Ai đã ban cho loài lươn nguồn cảm kích phân biệt như thế? Ai đã hướng dẫn những con lươn bé bỏng trên đường phiêu du ngàn dặm như vậy? Chắc chắn không thể do ngẫu nhiên phải không các bạn ?

Toàn thể phái đoàn kinh ngạc trước kiến thức quảng bác của nhà chiêm tinh gầy gò, bé nhỏ. Không ai ngờ một xứ chậm tiến như Ấn độ lại có một nhà bác học uyên thâm như vậy. Babu mỉm cười nói tiếp :

- Có lẽ các ông còn nhiều phân vân, thôi được hãy nói về yếu tố di truyền cho thực tế hơn. Yếu tố này là một mầm sống nguyên thuỷ rất nhỏ chứa đựng trong tất cả các tế bào. Mọi sinh vật đều có đặc điểm di truyền khác nhau. Yếu tố này cho ta thấy rõ sự sống đã được trù định từ trước vì một cái cây sẽ tạo ra một cái cây, chứ không phải con vật. Từ các loại sinh vật bé nhỏ như con kiến đến các loài sinh vật to lớn như cá voi đều chịu sự chi phối của yếu tố này. Điều này chắc chắn không phải ai nghĩ ra hay ngẫu nhiên phải

không ? Chỉ có đấng sáng tạo mới có đủ quyền năng làm các việc đó. Này các bạn, khắp nơi trong vũ trụ đâu đâu cũng có một sự quân bình tuyệt đối, không loài nào lấn át loài nào. Hãy nhìn loài côn trùng, chúng sinh sản rất nhanh mà sao không chiếm quả đất ? Ấy là vì chúng không có bộ phổi như loài có vú (mammal). Chúng thở bằng khí quản (trachea) và khi chúng lột xác lớn lên, khí quản không lớn theo nên thân thể chúng bị giới hạn trong khuôn khổ nhất định. Con người hơn loài thú ở điểm lý trí. Bản năng con thú tuy kỳ diệu, nhưng bị giới hạn. Bộ óc con người tuyệt vời ở chỗ nó có thể vượt xa tầm giới hạn của nó. Muốn quan niệm sự hiện hữu của thượng đế, cần phải có một năng khiếu mà chỉ loài người mới có. Ta có thể gọi nó là trí

tưởng tượng cũng được, nhưng nhờ nó mà con người mới thu nhận các sự kiện vô hình, vô ảnh. Trí tưởng tượng mở cho ta một chân trời bao la và nhờ thế ta mới ý thức một thực tại tuyệt diệu rằng thượng đế là tất cả, ngài ở khắp mọi nơi, nhưng không ở đâu ngài hiện rõ như trong tâm hồn chúng ta.

Toàn thể phái đoàn yên lặng, thán phục những dẫn chứng hoàn toàn khoa học và giản dị của nhà chiêm tinh. Vài giờ trước đây, ai cũng nghi ngờ khả năng của "gã thầy bói"; nhưng hiện giờ mọi người đều công nhận y là một nhà bác học với kiến thức uyên bác không thua ai.

Babu mỉm cười nhìn tất cả mọi người và nói :

- Là khoa học gia, các ông hãy suy nghĩ về những điều tôi vừa trình bày. Hãy quan sát vũ trụ, hãy

dẹp bỏ các thành kiến sẵn có, và sự ngông cuồng của khoa học thực nghiệm, rồi các ông sẽ thấy tất cả đều diễn ra trong một trật tự, mỹ lệ và điều hoà. Các ông sẽ ý thức sự bé nhỏ của con người trước vũ trụ bao la vì khoa học xây dựng trên căn bản của giác quan vốn rất giới hạn, sao có thể cảm xúc vũ trụ được ? Nếu ta cứ khăng khăng cho rằng những cái gì không nghe được, không nhìn được, đều không hiện hữu thì thật là một sai lầm tai hại. Có biết bao nhiêu sự kiện xảy ra mà giác quan giới hạn không thể cảm nhận, cho đến một ngày nào họ khai mở các giác quan khác….

- Làm sao ông biết như thế ?

- Tôi đã nghiên cứu trực tiếp các vấn đề này trong khi Thiền định. Các sách vở bí truyền cũng

đều nói rất rõ như vậy…

Giáo sư Mortimer hấp tấp :

- Chúng tôi có thể nghiên cứu hay phiên dịch những sách này không ?

Babu mỉm cười :

- Liệu ông có muốn bỏ ra vài chục năm để phiên dịch không ? Sách vở huyền môn đâu phải loại sách phổ thông để mọi người coi chơi. Theo tôi hiểu thì chỉ một thiểu số người thích nghiên cứu nó vì trong tiền kiếp họ đã có những hứng khởi tâm linh, đã từng nghiên cứu vấn đề này, đã có đủ trí tuệ để xét suy một cách tường tận. Họ là những ngườ iđã đến bên thềm Đạo và sắp bước vào. Chỉ những người này mới thích thú để tâm nghiên cứu những quyển sách khô khan như những sách trong nhà tôi.

Toàn thể phái đoàn im lặng, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng nhưng tất cả đều đồng ý rằng nhà chiêm tinh nói không sai. Giáo sư Allen lên tiếng :

- Tại sao thấy ánh sáng Chân Lý rồi mà ông vẫn tiếp tục hành nghề chiêm tinh. Tại sao ông còn chỉ vẽ cho người đời quá khứ, vị lai ?

Babu hãnh diện tuyên bố :

- Tôi sống và phụng sự thế gian bằng nghề nghiệp này. Đâu phải ai tôi cũng tiếp. Dù bạn là tiểu vương hay thủ tướng. Nếu thấy bạn không có tâm hướng thiện, sửa đổi thì không đời nào tôi hé môi nói một điều gì. Biết bao người đã đến cổng, nhưng mấy người vào được đến đây. Cách đây ít lâu, một tiểu vương cho khuân đến một rương ngọc chỉ để hỏi tôi một điều nhưng

tôi không trả lời. Nếu không nhận được một thông điệp bằng tư tưởng thì dễ gì tôi tiếp các ông và nếu không xem qua lá số của giáo sư Oliver , dễ gì tôi tiết lộ các bí mật cho những người lạ, nhất là người Âu Mỹ. Từ xưa đến nay, khoa chiêm tinh vẫn bị người đời hiểu lầm và diễn tả sai lạc rất nhiều. Nhờ nghiên cứu bộ sách nguyên thuỷ Brahma Chinta nên tôi có thể nói cho các ông biết chút ít về khoa học này, với hy vọng sẽ đánh đổ phần nào thành kiến sai lầm của người Âu. Khi sinh ra đời, mỗi cá nhân đều mang sẵn một tài sản khác nhau, đó là Nghiệp Báo. Tài sản này có thể tốt đẹp do các nguyên nhân hợp với thiên ý hoặc xấu xa bởi các lỗi lầm trong tiền kiếp. Tất cả nguyên nhân này đều chứa chấp trong Tàng thức hoặc A-lại-da-thức

(alaya-vijnana), và trở nên một động lực chi phối đời ta. Động lực này được phân phối bởi các mãnh lực trong vũ trụ một cách vô cùng phức tạp, và biến thành một thứ gọi là Vũ trụ tuyến (cosmic rays). Những vũ trụ tuyến này không ồ ạt ảnh hưởng đến ta ngay, mà tuỳ theo sự thay đổi của tinh tú để phản chiếu xuống trần gian. Điều này rất hợp lý vì trải qua vô lượng kiếp sống, con người đã làm biết bao điều xấu xa, đâu thể nào trong vài ba kiếp mà trả hết được. Đó cũng là lý do con người cứ trầm luân trong luân hồi sinh tử. Chiêm tinh học nghiên cứu sự xê dịch, vận hành của tinh tú mà đoán biết được các ảnh hưởng con người trong kiếp sống này. Nhờ nghiên cứu chiêm tinh mà người ta hiểu rõ rằng không hề có một Đấng Thần Linh

thưởng phạt hay kiểm soát các hành động của ta. Tất cả chỉ là hậu quả của những gì do ta tạo nên và phải gánh chịu.

- Nhưng chính ông đã đề cập đến thượng đế và sự hiện hữu của ngài kia mà?

Babu bật cười :

- Các ông vẫn còn quan niệm rằng thượng đế là một ông già ngồi trên cao nắm quyền sinh sát, định đoạt số phận con người – đó là một quan niệm rất ấu trĩ. Thượng đế cao cả hơn nhiều, ngài sáng tạo và đặt tất cả vào một trật tử trong vũ trụ. Làm gì có việc ngài định đoạt số phận từng người như các ông nghĩ. Tất cả diễn tiến theo luật vũ trụ, nhân nào quả nấy, một lực nào cũng có một phản lực đi kèm đó là khoa vật lý chứ đâu phải gì xa lạ ? Làm gì có việc số mệnh đã

định sẵn, nếu thế ta cứ tiêu cực, bất động mặc cho số phận run rủi hay sao ? Này các ông bạn, chiêm tinh học là một khoa học thực tiễn và tiến bộ, không thể có vấn đề mê tín. Lá số tử vi không có nghĩa là con người chỉ là nô lệ của quá khứ mà chỉ cho ta thấy rõ sự tuần hoàn của vũ trụ mà trong đó con người có thể thay đổi tính mạng. Chiêm tinh học nghiên cứu phản ứng của con người dưới ảnh hưởng tinh tú. Các tinh tú chỉ là những khí cụ trung gian biểu lộ một cách trung thực các tác động quân bình của nghiệp quả gây nên trong quá khứ. Mỗi người sinh ra đời vào một ngày giờ mà ảnh hưởng của tinh tú hoà hợp với nghiệp quả cá nhân của y. Các vũ trụ tuyến được tinh tú phản chiếu xuống làm mạch máu di chuyển, tế bào thay đổi, dĩ nhiên

ảnh hưởng đến cuộc đời con người . Mặc dù con người không thể thay đổi việc đã xảy ra trong quá khứ, nhưng nhờ ý chí tự do, y có thể vượt khỏi tầm ảnh hưởng này và chiến thắng ảnh hưởng tinh tú. Tôi lấy một thí dụ như thương gia Keymakers, bạn của các ông. Đáng lý theo số mạng thì ông ta phải chết trong cuộc chiến vừa qua. Nhưng vì một mầm thiện nẩy sinh, thấy chiến tranh quá ư tàn khốc, ông động lòng trắc ẩn mang tài sản ra giúp đỡ rât nhiều nạn nhân chiến cuộc. Dĩ nhiên, khi đó ông ta không hề biết gì về số mạng của mình, nhưng hành vi bác ái này đã tạo một phản lực mạnh mẽ thúc đẩy các vũ trụ tuyến xê dịch sang một bên và nhờ thế ông ta thoát chết. Số mạng của ông ta hoàn toàn thay đổi từ đó. Các ông hiểu rằng hoán cải số

mạng không có nghĩa việc quá khứ sẽ bị xoá bỏ, nhưng đáng lý một biến cố lớn sẽ xảy ra trong kiếp này, lại không xảy ra. Khi ta phát tâm làm một việc hợp với thiên ý thì một ảnh hưởong tinh tú bỗng chói sáng và các từ điện mạnh mẽ đẩy ngược luồng vũ trụ tuyến sang hướng khác. Do đó, con người có thể cải số mệnh dễ dàng, nếu biết làm các việc tốt lành, đẹp đẽ. Dĩ nhiên , ảnh hưởong xấu không mất đi, nhưng sẽ tiềm ẩn, chờ một cơ hội khác sẽ phát hiện lại. Nói một cách khoa học thì đời người có thể ví như một phương trình toán học, A * B bằng C. A và B là nguyên nhân và C là hậu quả, nhưng nếu tta thêm vào đó một nguyên nhân X thì A * B * X sẽ không thể bằng C nữa, vì đã có thêm nguyên tố X. Đó là nguyên lý hoán cải số mạng mà tôi vừa

trình bày. Đời người thực ra đã ghi khắc trên tinh tú nhưng các tinh tú khi sáng khi mờ, và sự mờ tỏ do chính ta quyết định. Khi ta có các hành vi xấu xa nó tạo ra những động lực xấu và số thu hút các điều xấu ghi khắc trên tinh tú, phản chiếu xuống mau lẹ hơn. Dĩ nhiên hậu quả không thể lường. Trái lại, nếu ta ý thức điều này, phát tâm làm việc hữu ích tự nhiên phát sinh các động lực tốt đánh bật các ảnh hưởng xấu sang một bên. Nhờ nghiên cứu chiêm tinh học một cách đứng đắn, khoa học, con người sẽ hiểu biết mệnh trời, biết tin tưởng ở mình, và sống cuộc đời thoải mái, không bi quan, không lạc quan, an vui tự tại.

- Như thế người đi trên đường Đạo, sẽ gặp gì khi đã có nghiệp quả xấu ?

- Nghiệp quả xấu ví như một án treo, bất động, nhưng không ai có thể tránh được nó. Đối với những người đã vào cửa Đạo, đã hiểu biết thì họ lại cầu xin được trả quả cho lẹ. Tuy họ không gây các nhân xấu nữa, nhưng họ đủ can đảm để chịu đựng nghiệp quả. Có thế họ mới rút ngắn thời gian trong sinh tử luân hồi. Hiểu biết mệnh trời để sống thoải mái chính là mục đích của khoa chiêm tinh chân chính.

Babu im lặng suy nghĩ. Sau cùng, y bước đến một tủ lớn mang ra một cái hộp nạm vàng rất đẹp. Trong hộp chứa một quyển sách cổ viết trên lá buôn (papyrus), y long trọng tuyên bố :

- Đây chính là một phần của bộ Brahma Chinta mà tôi sưu tầm được. Các ông nên biết huyền môn có hai phần. Công truyền (exoteric) và bí

truyền (esoteric). Loại bí truyền chỉ được dạy cho các đệ tử đã bước vào cửa Đạo, đã được tuyển chọn rất kỹ. Hiền triết Bhrigu chỉ truyền cho 4 đệ tử bộ sách này. Tôi tiếc rằng mẫu nhỏ này còn nhiều thiếu sót và rất khó hiểu, mất hơn 20 năm nghiên cứu, mà tôi chỉ hiểu chút ít thôi. Gặp gỡ các bạn bữa nay là một nhân duyên hiếm có, tôi xin dịch vài trang để làm quà cho các bạn : “ Vạn vật trong vũ trụ dù ở cõi vô hình hay hữu hình đều được sắp hạng và phân loại theo quy mô của số 7. Tất cả mọi hình thức sinh hoạt trong dãy hành tinh hiện tại đều thuộc một trong 7 cung. Mỗi cung có 7 phân bộ hay 49 nhóm . Toàn thể Thái dương hệ của chúng ta đều là sự biểu lộ của thượng đế, mỗi phần tử trong đó đều là một phần của ngài. Ngoài ra có 7

vị tinh quân (logo) mỗi vị kiểm soát một cung. Thật ra các vị này chỉ là những trung tâm thần lực, những con đường vận hà để thần lực thượng đế ban rãi ra. Con người có ba thể chính là thể xác, thể vía và thể trí tương ứng với ba cõi giới Hạ giới ,Trung giới, và Thượng giới. Thượng đế cũng thế, tất cả vật chất trong Hạ giới hợp thân thể xác của ngài . Tất cả vật chất cõi Trung giới hợp thành vía của ngài, và tất cả vật chất cõi Thượng giới hợp thành thể trí của ngài. Tóm lại, tât cả đều là thành phần của thượng đế từ hạt bụi đến các dãy thiên hà. Mọi nguyên tử vật chất cấu tạo nên chúng ta đều là một phần của thượng đế xuyên qua 7 cung – khi qua đây nó bị thay đổi ít nhiều, tuỳ ảnh hưởng các cung. Khoa chiêm tinh có thể phân biệt người nào chịu ảnh

hưởng cung nào tuỳ số lượng nguyên tử cấu tạo xuất phát từ cung liên hệ.”

Babu nhìn mọi người thấy họ có vẻ ngơ ngác. Y mỉm cười giải thích :

- Đề tài này rất khó hiểu, thôi để tôi giải thích rộng ra vậy. Nói theo danh từ Thiên chúa giáo thì 7 vị tinh quân này đã xuất hiện trong linh ảnh (vision) của Thánh Jean. Sách khải huyền 4.5 nói rõ, “có 7 ngọn đèn thắp trước ngài, đó là 7 vị đại thiên thần của chúa trời”. Lúc khởi thuỷ, mọi người chúng ta đều là thành phần của thượng đế, nghĩa là cùng bắt nguồn từ một nơi. Sau đó, chúng ta tách rời ra, xuyên qua 7 con đưòong vận hà này. Theo sự hiểu biết của tôi, thì 7 con đưòong biểu lộ 7 đức tính của thượng đế, qua 7 vị tinh quân. Vị thứ nhất là thiên thần

Michael (sức mạnh), liên hệ đến hoả tinh. Vị thứ hai là Gabriel (toàn tri) liên quan đến thuỷ tinh. Vị thứ ba là Raphael (quyền năng) liên quan đến thái dương. Vị thứ tư là Uriel (ánh sáng) liên quan đến mặt trăng. Vị thứ năm là Zakiel (hảo ý) liên quan đến mộc tinh, còn hai vị kia là Jophiel và Samuel thì tôi không biết rõ hành tinh liên hệ. Khoa học thực nghiệm tinh rằng các hành tinh đều là sự kết hợp ngẫu nhiên của vật chất. Nếu là ngẫu nhiên tại sao chúng nằm ở các vị trí nhất định trong vũ trụ, và di chuyển theo một quỹ đạo cố định ? Mọi vật dường như tuân theo một định luật thiên nhiên, nhưng đằng sau định luật đó luôn luôn có một sức mạnh thiêng liêng cai quản. Tôi cố gắng dùng tên các vị thiên thần và danh từ Thiên chúa giáo để giải thích cho các

ông . Điều này có thể được diễn tả khác đi tuỳ theo quan niệm tôn giáo, văn hoá; nhưng sự thật vẫn là một. Muốn hiểu khoa chiêm tinh phải đi ngược về nguồn cội. Con người từ một chốn nguyên thuỷ ví như nước cùng một nguồn chảy theo bảy dòng suối khác nhau để ra biển. Mỗi dòng suối sẽ mang một tính chất khác nhau, do đó nước trong suối cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều. Loài người có thể phân biệt ra 7 đức tính rõ rệt tuỳ theo con đường vận hà mà họ trải qua. Chiêm tinh nghiên cuú con người và ảnh hưởng hành tinh đến các tính nết nhất định. Cũng như khoa Sinh lý học phân biệt con người qua tính chất nồng nhiệt, lãnh đạm, bạch huyết chất hay đa huyết chất. Thực ra đó chỉ là các phương pháp khác nhau để trình bày tính chất con

người. Dĩ nhiên không dễ gì tìm ra cung của mỗi người vì y đã đi sâu trong luân hồi sinh tử, tạo các nghiệp quả phức tạp, và những nguyên nhân này chế ngự, ảnh hưởng đến tính tình y rất nhiều. Chỉ với sự khai mở các giác quan như Thần nhãn hay có một kinh nghiệm sâu xa về huyền môn, ta mới có thể biết rõ họ thuộc cung nào. Nếu một người biết rõ cung của mình và tiếp tục trau dồi bản tính sẵn có, thì y sẽ tiến bộ rất nhanh, vì khí cụ hữu hiệu nhất là phương pháp thuộc về cung liên hệ. Thí dụ như người có khiếu về âm nhạc lại cứ học toán. Không phải y sẽ không tiến bộ gì, nhưng nếu đi về âm nhạc y sẽ tiến nhanh hơn vì hợp với khả năng hơn. Sự hiểu biết mình là ai, có những khả năng tiềm ẩn nào sẽ giúp ta định hướng đi cho chính xác. Đó

mới là mục đích của khoa chiêm tinh. Đa số con người hành động không ý thức, chịu ảnh hưởong ngoại cảnh, nên luôn bất mãn, không thoải mái. Họ tự đóng kịch với chính mình, hoặc sống theo một lề lối khuôn khổ không thích hợp. Trong Kinh thánh có câu, “nếu các ngươi không hồ nhiên như trẻ con, các ngươi không thể vào nước thiên đàng”. Điều này khuyên ta nên sống thật với chính mình. Chiêm tinh học có thể giúp ta biết ta là ai, thích hợp với nhũung công việc gì ? Sự nghiên cứu chiêm tinh như thế mới gọi là đứng đắn chứ không phải chỉ xem quá khứ, vị lai, may rủi.

- Làm sao con người có thể biết họ thích hợp với cung nào ?

- Một nhà chiêm tinh giỏi có thể lấy lá số tử vi để

xem cá nhân liên hệ với cung nào, điều này đòi hỏi rất nhiều thời giờ, kinh nghiệm. Một phương pháp khác là hãy nhìn hành động mỗi người . Người thuộc cung 1 sẽ đạt đến mục đích bằng sức mạnh ý chí. Người thuộc cung 2, phân tích kỹ lưỡng vấn đề để lựa chọn phương pháp nào hữu hiệu nhất. Người thuộc cung 3 nghiên cứu rất kỹ về thời gian, giờ khắc thuận lợi nhất v..v… Một thí dụ khác như trong việc chữa bệnh, người cung 2 sẽ tìm hiểu nguyên nhân và phương pháp nào thích hợp nhất để chữa bệnh, khi người ở cung 3 sẽ nghiên cứu thời gian nào thuận lợi để chữa. Người ở cung 6 sẽ tìm cách chữa bệnh bằng đức tin. Người thuộc cung 7 sẽ chữa bằng các nghi lễ, cúng tế, v..v.. Tuy nhiên,cách tốt hơn hết là tự mình, xét lấy mình.

Hãy dẹp bỏ những điều mình vẫn khoác lên bản ngã như danh vọng, địa vị, ham muốn. Hãy thành thật với chính mình thì ta có thể xem được mình thuộc về cung nào. Nếu ta là người có ý chí mạnh mẽ, cương quyết làm việc trong tinh thần khoa học thì có lẽ ta ở cung 1. Nếu là người khôn khéo, thích lý luận và làm việc một cách hiệu quả thì có lẽ ở cung 2. Nếu là người nhạy cảm, thích hoạt động xã hội, từ thiện thì có lẽ ta thuộc cung 5. Nếu là người có đức tin mạnh mẽ, cẩn thận, có thể ta thuộc cung 7, v..v… Đề tài các cung rất khó giải thích trong một thời gian ngắn. Tôi chỉ có thể nói vắn tắt thôi. Cái vật chất sơ khai nguyên thuỷ bắt đầu tiến hoá qua 7 con đường vận hà hay 7 đức tính quan trọng. Chỉ khi nào con người phát triển toàn vẹn cả 7 đức tính

này, y sẽ trở nên toàn thiện. Dĩ nhiên , chúng ta đều bất toàn dù mỗi cá nhân đã nảy nở các đức tính cần thiết căn bản. Người Âu tây đã khai mở rất nhiều khả năng suy luận, khoa học, nhưng thiếu khả năng sùng tín, bác ái. Vì lý trí nảy nở nhiều hơn tình cảm nên họ có vẻ thiếu thiện cảm, lạnh lùng, thích chống báng thay vì dung hoà. Trong khi đó, người Á châu phát triển mạnh mẽ về sự sùng tín, bác ái, nhưng thiếu khả năng suy luận, để tình cảm chi phối nên họ có vẻ chịu đựng, nhượng bộ, khoan dung, dễ dãi. Cả hai đều không quân bình tuyệt đối, nên trong tương lai sẽ có các biến chuyển mạnh, xáo trộn để cả hai dân tộc có dịp học hỏi, hoà hợp với nhau.

Babu im lặng suy nghĩ một lúc rồi trầm giọng :

- Trong cuộc đời nghiên cứu sách vở bí truyền của các tôn giáo, tôi không hề thấy có sự khác biệt giữa các giáo lý, nếu không nói là giống hệt nhau. Tiếc thay, con người chỉ thích đi tìm sự khác biệt để chỉ trích, phê bình và càng ngày càng đi xa đến chỗ vô minh cùng cực.

- Nhưng các tôn giáo có khác biệt nhau chứ ?

Babu nhẹ nhàng :

- Này các bạn, mỗi quốc gia có phong tục, tập quán riêng biệt. Mỗi thời buổi đều có các thay đổi, giá trị khác nhau. Do đó, một chân lý cũng có thể được giảng dạy bằng các phương pháp khác nhau. Phương pháp, ngôn ngữ có thể khác, nhưng chân lý vẫn là một cũng như thượng đế có 7 con đường vận hà khác nhau qua bảy cung. Nguyên tử mỗi cung có các rung động khác

nhau, có màu sắc khác nhau, tính chất khác nhau, nhưng nó đều là nguyên tử xuất phát từ thượng đế. Nếu bạn thay đổi áo mặc khác nhau thì bạn đâu có thay đổi, chiếc áo có thể khác nhưng người mặc áo vẫn chỉ là một. Nếu các ông đi ngược về cội nguồn các ông sẽ hiểu sự thay đổi từng thời kỳ qua ảnh hưởng tinh tú.

Giáo sư Allen thắc mắc :

- Xin ông giải thích thêm về việc này.

Babu trầm ngâm suy nghĩ một lúc rồi trả lời :

- Trong 7 vị tinh quân có những biến đổi diễn ra từng thời kỳ giống như sự tuần hoàn của hơi thở trong bộ máy hô hấp, hay sự vận động của quả tim. Các sự biến đổi này diễn ra vô cùng phức tạp, dưới thiên hình vạn trạng. Vì lẽ thể vía con người được cấu tạo cùng một nguyên tử với thể

vía các vị tinh quân, nên khi vị tinh quân thay đổi , tự nhiên mọi người trên thế gian cũng ít nhiều ảnh hưởng theo. Nói một cách khác, khi vị tinh quân cai quản một cung thay đổi thì những người đã đi qua cung đó, nguyên tử cấu tạo có chứa đựng nhiều tỷ lệ của cung đó sẽ thay đổi theo. Trong lịch trình tiến hoá, đã có những sự thay đổi trong đầu óc loài người, từng thời kỳ và do đó, văn minh nhân loại cũng đổi thay. Theo sự nghiên cứu của tôi thì mỗi chu kỳ kéo dài khoảng 100 năm, nhưng cứ 25 năm cuối lại có các biến chuyển gây ảnh hưởng cho chu kỳ kế tiếp.

- Như vậy thì sự biến chuyển kỳ này sẽ bắt đầu vào khoảng 1975 cho đến năm 2000 và ảnh hưởng đến thế kỷ 21 ?

Babu gật đầu :
- Thật ra chu kỳ không hoàn toàn trùng hợp từng năm, từng tháng, vì niên lịch thông thường không chính xác. Khoa chiêm tinh sử dụng một thứ lịch khác theo sự vận chuyển của các tinh tú. Tuy nhiên, để giản dị hoá vấn đề này ta có thể nói rằng cứ 25 năm cuối của mỗi thế kỷ là buổi giao thời có nhiều sự thay đổi mãnh liệt.
Giáo sư Mortimer buột miệng :
- Nhưng đã có bằng chứng nào rằng cuối thế kỷ này sẽ có các thay đổi lớn ?
Babu mỉm cười nhìn tất cả mọi người :
- Các ông đều là người Âu, tôi xin dẫn chứng bằng lịch sử Âu châu cho dễ hiểu. Các ông có thể coi nó là sự trùng hợp ngẫu nhiên cũng được. Năm 1275, Roger Bacon phát động phong trào

phục hưng văn hoá, rồi suốt 100 năm sau, toàn thể Âu châu đều thay đổi. Năm 1375, Chirstian Rosenkreuz phổ biến nền văn hoá này khắp từng lớp dân chúng, đưa Âu châu thoát khỏi nền tảng hắc ám của thời kỳ Trung cổ. Năm 1275 và 1375 chả là 25 năm chót của thế kỷ 13 và 14 hay sao?

Giáo sư Mortimer, một nhà bác học về cổ ngữ và lịch sử Âu châu suy nghĩ :

- Qủa thế, phong trào phổ thông văn hoá bằng đường lối phục hưng đã cứu nguy cho sự suy đoềi của Âu châu, nhưng đó chỉ là hai trường hợp. Tôi thiết nghĩ muốn kết luận ta cần nhiều dữ kiện rõ ràng hơn.

Babu mỉm một nụ cười bí mật và xác định :

- Thế thì ông nghĩ sao về việc phát minh ra máy

in, kỹ thuật ấn loát vào năm 1473 ? Nhờ thế tư tưởng các triết gia, giáo sĩ mới phổ thông khắp quần chúng, nâng cao dân trí Âu châu? Ông nghĩ sao về Francis Bacon và cao trào nghiên cứu khoa học năm 1578, sử dụng Anh ngữ thay vì Latin để phổ biến kiến thức khoa học. Có phải những việc này đã đem khoa học vào xã hội để cải thiện cuộc sống hay không ? Việc này xảy ra vào 25 năm cuối của thế kỷ 15 và 16. Phải phục hưng văn hoá, đưa Âu châu khỏi các thành kiến bảo thủ đã, rồi cải cách, phát triển khoa học để mọi người biết suy luận sau đó, mới thay đổi xã hội được chứ. Văn hoá đi trước phổ biến tư tưởng để dọn đường cho các thay đổi chính trị, xã hội về sau. Năm 1675, các Hội Kín bắt đầu mọc lên, kêu gọi san bằng giai cấp, dẹp tan bất

công xã hội, gây nên bởi chế độ Bảo Hoàng. Năm l789, cuộc cách mạng Pháp đã bùng nổ, và thay đổi hẳn lịch sử Âu châu. Hai biến cố này đều xảy ra trong vòng 25 năm cuối của thế kỷ 17 và 18. Từ đó đến nay chắc các ông đã thấy ?

Giáo sư Mortimer toát mồ hôi trán. Lịch sử Âu châu đối với ông nào có xa lạ gì, nhưng sự giải thích của Babu đã làm ông bừng tỉnh.

Toàn thể phái đoàn đều bàng hoàng, khâm phục Babu. Trong một buổi chiều, nhà chiêm tinh xứ Ấn đã hùng biện, dẫn chứng về toán học, sinh vật học, triết học, tôn giáo và cả lịch sử Âu châu như một học giả uyên bác nhất. Kiến thức của y đã chinh phục tất cả mọi người .

Giáo sư Mortimer run giọng :

- Vậy thì theo ông việc gì sẽ xảy ra cho thế kỷ 20

này ?

Babu im lặng suy nghĩ một lúc rồi trả lời :

- Năm 1875 đánh dấu một bước tiến quan trọng, đó là sự phát triển khoa học văn minh cơ giới cùng thuyết “Tiến hoá” của Darwin, và phong trào Thiên chúa giáo tự do. Từ đây bắt đầu một cuộc tranh chấp giữa tinh thần và vật chất. Có hai mãnh lực rất mạnh phát xuất từ hai bầu tinh tú đối cực, gây nên phong trào Duy tâm và Duy vật. Thế kỷ 20 bắt đầu với sự phát triển cực thịnh của thuyết Duy vật. Con người sẽ bị thúc đẩy vào các sự kiện vật chất, họ sẽ gặp các thử thách mà nhu cầu bao tử, khoái cảm xác thân tranh đấu với nhu cầu tâm linh một cách mãnh liệt. Đến khoảng 25 năm cuối, từ 1975 trở đi thì phong trào Duy tâm sẽ phát triển mạnh ẽm và

được phổ biến sâu rộng để thúc đẩy sự tiến hoá tâm linh. Cuối thế kỷ 20, phong trào Duy vật sẽ sụp đổ, hiện tượng nghiên cứu các giáo lý bí truyền sẽ bắt đầu. Này các ông bạn, các bạn đều là những người tiên phong. Trước khi một sự phổ thông Bí giáo được thực hiện phải có những hạt giống gieo sẵn và nẩy mầm. Đó là lý do các bạn được thúc đẩy để nghiên cứu các hiện tượng huyền bí phương Đông. Tôi không thể tiết lộ thêm điều gì, nhưng qua lá số tử vi của Oliver, tôi quả quyết những điều tiên đoán đều sẽ thành sự thật. Chắc chắn trong 25 năm cuối của thế kỷ này, sẽ có nhiều thay đổi và có những cố gắng giúp cho sự tiến bộ của nhân loại, giai đoạn này rất quan trọng. Có hai loại người trên thế gian : một loại đã thấy ánh sáng rực rỡ nơi cuối chân

trời và định hướng để tiến tới đó. Dĩ nhiên, họ sẽ phải chiến đấu cam go với các cám dỗ, các hoàn cảnh bất lợi xảy ra chung quanh. Nhưng ở họ, hy vọng luôn luôn sáng rỡ. Hạng thứ hai, không cảm xúc được các tư tưởng thanh cao, không tin tưởng những điều cao thượng. Họ là những người lạc lõng, đáng thương vì họ sẽ phải học các bài học hết sức đau khổ cho đến khi họ hiểu biết và quay đầu về phía ánh sáng. Điều này đã và đang xảy ra.

- Chuyện gì sẽ xảy ra cho những người không hiểu biết này ?

Babu bật cười :

- Các ông nghĩ rằng thượng đế sẽ trừng phạt họ ư ? Không đâu, họ sẽ phải tự học lấy những bài học trong lầm lỗi, trong đau khổ. Thí dụ như

một người muốn đi từ quê lên tỉnh. Y có thể đi theo các đường lộ xây cất sẵn sàng, theo bản đồ chỉ dẫn. Nhưng có người cứ khăng khăng đi theo ý mình bất tuân theo luật lệ, đường dọn sẵn không đi, bản đồ có sẵn không thèm nhìn. Y sẽ đi vào rừng, dẫm lên gai góc, đau đớn, lạc lối lung tung. Sau đó, mới ý thức được sự ngu xuẩn của mình. Đời là một bài học vô cùng quý giá mà ai cũng phải học. Cõi đời đầy những vô thường, khi thế này, lúc thế khác chứ đâu êm xuôi bằng phẳng.

Babu ngưng nói đưa mắt nhìn về sông Hằng. Bên kia bờ sông là một câu lạc bộ với những ánh đền màu cùng tiếng nhạc dập dìu. Y thở dài :

- Đó là nơi hội họp của một hội đồng thương mại. Hội này quy tụ toàn các thương gia, các bậc

thượng lưu, trí thức, giàu có bậc nhất thành phố này. Tuần nào họ cũng hội họp ăn uống. Đa số đều đã ngoài 60 mà vẫn còn ham vui. Cơ thể họ đã suy nhược, nhưng lòng hưởng thụ vật chất còn mãnh liệt. Họ tụ tập nhau để nói chuyện mưa gió, thời tiết, thú vui đời người. Không ai ý thức được rằng chỉ ít lâu nữa, ai cũng phải từ giã cõi trần. Nghe họ vui đùa, tưởng như họ có thể lột da như giống rắn để sống mãi mãi như thế.

Babu nhìn lên bầu trời đầy sao trầm ngâm:

- Mọi vật trong vũ trụ đều quân bình tuyệt đối, không dư, không thiếu, từ hạt bụi bé nhỏ đến những dãy thiên hà vĩ đại. Đời người quá ngắn, và luôn bị lôi cuốn vào sinh hoạt quay cuồng. Đâu mấy ai ý thức được sự phung phí hôm nay, dọn đưòong cho sự đau khổ ngày mai. Tất cả chỉ

là những ảo ảnh chập chờn, thế mà người ta cứ coi như thật. Nếu biết thức tỉnh quan sát, ta có thể học hỏi biết bao điều hay. Tiếc rằng khi đắc thời người ta quên đi quá khứ rất nhanh. Chỉ trong đau khổ, nhục nhã ê chề mới chịu học. Có thể đó cũng là lý do luôn luôn có các biến động vô thường, thúc dục con người học hỏi.

- Ông nghĩ rằng con người sẽ học hỏi trong đau khổ.

Babu thở dài :

- Đúng thế, chúng ta có tính hay quên, nên cứ phải học đi, học lại cái bài học khổ. Chỉ khi bị khổ sở, bị đàn áp, tự do bị chà đạp, con người mới quay về với niềm hy vọng cuối cùng là đức tin. Khi sung sướng ít ai nghĩ đến việc tu thân cầu giải thoát. Khi cơ thể bệnh hoạn, ta mới thấy

khoẻ mạnh là hạnh phúc. Khi bị tù đày, ta mới thấy giá trị của tự do. Tiếc rằng khi khỏi bệnh, ta không ý thức nguyên nhân đã gây nên bệnh đó, mà lại tiếp tục một đời sống như trước; do đó, ta cứ bị bệnh hoài.

- Nhưng con người cũng học hỏi rất nhiều, và đã có tiến bộ lớn lao.

Babu ngắt lời :

- Các ông gọi như thế nào là tiến bộ ? Trên phương diện vật chất, con người ta đã tiến bộ chút ít so với những thế kỷ trước. Nhưng phương diện tinh thần vẫn nghèo nàn như xưa, chả tiến được chút nào, bằng cớ là họ vẫn tiếp tục các lỗi lầm quá khứ.

- Ông muốn nói đến chiến tranh ư ?

Babu im lặng nhìn lên bầu trời đầy tinh tú, ngẫm

nghĩ một điều gì.

Toàn thể mọi người im lặng chờ đợi. Sau cùng, giáo sư Allen lên tiếng :

- Theo ông, thì hoà bình có thể thực hiện một ngày gần đây không ?

Babu mỉm cười trả lời :

- Các ông nghĩ rằng, với khả năng bé nhỏ của tôi mà có thể biết hết được ư ? Từ khi con người có mặt trên trái đất này, đã có hết cuộc chiến này đến cuộc chiến khác. Chiến tranh có bao giờ chấm dứt được ? Thực ra chiến tranh chỉ là sự biểu lộ trạng thái bên trong chúng ta, là sự phóng đại các động tác hàng ngày của chúng ta. Sở dĩ mỗi ngày, nó một trầm trọng hơn, là do kết quả các hoạt động kỹ nghệ, và óc sáng tạo của con người. Chiến tranh không thể chấm dứt nếu

các nguyên nhân gây nên cuộc chiến vẫn còn. Nếu có một cây cổ thụ thật lớn và ta muốn tiêu diệt nó. Ta không thể leo lên vặt hết lá cây được, vặt lá này nó lại mọc lá khác phải không các bạn ? Cách duy nhất là đốn tận gốc rễ. Nguyên nhân chiến tranh bắt nguồn từ các tham vọng, giận dữ, oán hận, đầu óc quốc gia, bộ lạc, tinh thần phe phái, đố kỵ, ganh ghét, v…v… Tận diệt được các thói xấu này là chấm dứt chiến tranh. Phương pháp duy nhất là làm một cuộc cách mạng trong tâm hồn. Chỉ khi nào loài người ý thức điều này và thay đổi quan niệm sống, xoá bỏ lòng thù hận, thì họ sẽ thấy bình an. Tiếc rằng ai cũng chỉ nhìn thấy sự sai quấy nơi người khác, nên mới có tình trạng ngày nay. Hoà bình và thiện chí cần đi đôi với nhau, nên không ai có

thể thực hiện hoà bình khi lòng còn đầy oán thù, ghen ghét, muốn bốc lột kẻ khác để mưu lợi cho cá nhân mình hay phe phái mình. Tất cả các hội nghị, các mưu tính để mang lại hoà bình cho nhân loại đều thất bại, vì con người không chịu thực hiện hoà bình ở chính mình.

Babu mỉm cười nhìn tất cả mọi người một lúc, rồi trầm giọng :

- Các ông đều biết Đại đế Alexander, người đã chinh phục thế giới. Trong việc xây dựng hoà bình cho Hy Lạp, ông đã càn quét, tiêu diệt tất cả những nước láng giềng, có thể đe doạ xứ sở của ông. Rồi cứ thắng xong trận này, lại phải lo đến trận khác, và cuộc chiến tranh để mang lại hoà bình cứ kéo dài. Alexander là một người thông minh theo học với hiền triết Aristotle. Khi lên

ngôi hoàng đế, ông đã tâm sự với thầy, “con sẽ chiến thắng Ai cập và Thổ nhĩ kỳ”. Aristotle hỏi, “Rồi sao nữa?”. Alexander suy nghĩ, “Sau đó, con có thể ngủ một cách bình an”. (Thời đó người Hy Lạp chỉ biết đến Ấn độ, chưa biết đến các nước khác ở Á châu). Aristotle mỉm cười, “ Con hỡi, tại sao con không ngủ bình an ngay đêm nay có hơn không?”.

Babu kết luận :

- Tôi nghĩ con người cần đặt cho mình một câu hỏi tương tự. Hãy quan sát lòng mình một cách thành thật xem mình muốn gì ? Chúng ta muốn bình an hay kích động ? Phải chăng chúng ta đều náo nức muốn cái gì ? Mỗi buổi sáng, chúng ta vội vã cầm lấy tờ báo để tìm các tin tức sôi nổi nhất. Nếu không có tin gì về chiến tranh, thiên

tai, xáo trộn, khó khăn kinh tế - - thì chúng ta vất tờ báo xuống đất, và than rằng chả có gì đáng xem. Có phải thế không ? Chúng ta muốn sống yên ổn, không thích xáo trộn, nhưng rất thích thú nghe nói về các sự xáo trộn của kẻ khác. Chúng ta dành nhiều giờ để bàn cãi sôi nổi về người này, người nọ, chê bai ông này, diễu cợt bà kia. Phải chăng chúng ta vẫn làm thế ? Có bao giờ chúng ta đặt câu hỏi, tại sao chúng ta lại làm thế không ? Lòng ta còn ham tiền bạc, danh vọng, địa vị, sức khoẻ, và chỉ cầu bình an cho chính mình thôi, nên chẳng bao giờ thoả mãn. Nếu ai có hỏi thì ta cũng sẽ chối quanh như đại đế Alexander chỉ xin một giấc ngủ bình an mà thôi. Giấc ngủ bình an nào có khó, nào xa xôi diệu vợi, tốn công nhọc sức mới có. Làm sao ta

có thể lao đầu vào vật chất phù du, xây dựng danh vọng địa vị, thoả mãn cái phàm ngã hữu hình hoại đồng thời tìm sự bình an, yên tĩnh ? Chính các điều trên đã phá vỡ sự yên tĩnh sung mãn của nội tâm ta. Phiền não là do chính ta tạo nên, chứ đâu phải hoàn cảnh phải không các bạn ? Ngày hôm nay chúng ta đã nói chuyện rất lâu rồi. Các bạn sẽ còn trải qua một hành trình dài, gặp gỡ nhiều bậc danh sư, hiền triết. Tôi chúc các bạn tìm được niềm an tĩnh của tâm hồn. Babu mỉm cười, giơ tay tiễn khách, vầng trăng đã lên cao, lấp loáng phản chiếu trên sông Hằng.

hết: Chương III, xem tiếp: Chương IV

Chương IV

Trên đường thiên lý

Cuộc gặp gỡ Brahmananda và Sudeih Babu đã thay đổi tất cả. Cho đến lúc đó, phái đoàn mới công nhận rằng đằng sau khu rừng mê tín dị đoan, còn có những chân lý cao siêu đáng học hỏi và nghiên cứu. Sự hiện diện của một vị Chân sư bí mật gửi thông điệp bằng tư tưởng cho Brahmananda và Sudeih Babu, làm phái đoàn phấn khởi, tin tưởng rằng cuộc khảo cứu sẽ còn vượt xa hơn điều họ dự tính.

Cuộc tiếp xúc với Sudeih Babu đã khiến mọi người bắt đầu cởi bỏ các thành kiến dị biệt, các

quan niệm bảo thủ và lòng tự hào của người Âu, để bắt đầu quan sát, học hỏi thêm về nền minh triết bí truyền của Á châu.

Phái đoàn bắt đầu cuộc hành trình nhắm hướng Rishkesh trực chỉ. Lúc đầu, đường xá còn tốt nên sự di chuyển còn nhanh chóng, nhưng về sau có những đoạn đường bị ngắt quãng, phái đoàn phải dùng lừa, ngựa hoặc đôi khi phải đi bộ qua các eo núi . Sự kiện một nhóm người Âu, di chuyển trên những con đường độc đáo, hẻo lánh là một điều chưa hề xảy ra. Các sĩ quan quân lực Hoàng Gia đã hết sức ngăn cản vì lý do an ninh. Mặc dù Ấn độ là thuộc địa của Anh, nhưng nhiều địa phương vẫn không hợp tác với chính quyền. Việc di chuyển đòi hỏi sự hộ tống của lực lượng quân đội võ trang đầy đủ. Có nhiều vùng, ngay

cả dân địa phương cũng ít dám qua lại, vì có những đảng cướp hoạt động mạnh mẽ. Để đề phòng, phái đoàn đã võ trang cẩn thận, nhưng trong suốt thời gian di chuyển, không hề có một sự kiện đáng tiếc nào xảy ra. Toàn thể mọi người có cảm tưởng như được che chở bởi một quyền năng mạnh mẽ vô hình.

Trên đường, phái đoàn đi qua một đền thờ của đạo Jain. Căn bản của tôn giáo này xây dựng trên chủ trương mở rộng lòng từ bi (Ahimsa). Tín đồ đạo Jain thực hành lý tưởng Ahimsa triệt để, đôi khi có vẻ quá khích. Đạo Jain được thành lập hơn 2000 năm, do đức Mahavira, một vị hoàng tử đã từ bỏ cung vàng, điện ngọc vào rừng tu hành và đắc đạo. Ngay khi bước chân vào đền, người ta đã thấy ngay pho tượng đức Mahavira

ngồi thiền, trên trán có gắn một viên kim cương lớn. Trước khi vào đây, du khách phải cởi thắt lưng, giày dép, những vật gì làm bằng da thú, sừng, ngà voi, v…v… Tất cả các vật do sự giết chóc mà ra. Sở dĩ phải làm thế, vì giáo lý Ahimsa dạy các tín đồ phái này không được sát sinh, ăn thịt cá, mà ngay trong nhà cũng không được chứa một thứ gì của sự giết chóc. Các giáo sĩ đạo Jain mặc toàn đồ trắng, trên mặt bịt một miếng vải thưa chỉ chừa đôi mắt. Họ làm thế để tránh loài ruồi, muỗi khỏi bay lọt vào mũi, miệng. Vì lòng từ bi (Ahimsa) bao trùm tất cả, lỡ có sâu bọ nào vô phúc bay lọt vào rồi nằm lì trong đó thì phạm tội sát sinh. Không những thế, các giáo sĩ đạo Jain mỗi năm phải nhập thất một lần trong suốt ba tháng hè, vì thời gian đó côn trùng sinh

sản nhiều, nếu di chuyển sợ dẫm lên chúng. Đối với người Âu, việc thực hành Ahimsa có vẻ quá khích, và vô lý, nhưng phần đông phái này thực hành giới luật rất nghiêm chỉnh. Họ tin rằng nếu các giới luật mà không giữ được thì không hy vọng gì đi xa hơn trên đường tu học. Một số giáo sĩ Jain còn "quá khích" hơn nữa. Sau một thời gian tu ở trong đền, họ phát nguyện vào rừng tu và sống loã thể. Họ chỉ uống nước suối, ăn trái cây, và dành trọn thời giờ thiền định. Họ quan niệm rằng khi còn ăn cơm gạo, mặc y phục là còn mang nợ xã hội. Còn hưởng những vật dâng cúng của tín đồ là còn mang nợ loài người. Khi tu là phải ly khai với đời, từ bỏ tất cả, không bận tâm đến bất cứ chuyện gì của thế gian, như của cải, vật chất, và ngay cả mảnh

vải che thân. Đạo Jain cho rằng xuất gia phải tuyệt tất cả ý niệm sở hữu, vì sở hữu bất cứ gì đều là ràng buộc, níu kéo đưa đến sự quyến luyến, gây chướng ngại cho việc tu hành giải thoát. Ngay cả các đền thờ đẹp đẽ cũng phải từ bỏ để vào rừng lấy đất làm giường, lấy trời làm nhà, và thú rừng làm bạn. Họ dành tất cả thời giờ để thiền định về ý niệm mở rộng lòng thương đến muôn loài. Nhiều tu sĩ ngồi thiền mà thú rừng kéo đến quấn quít chung quanh, không hề sợ hãi. Các học giả người Âu đã gọi tôn giáo này là phái "Loã thể", vì quan niệm từ bỏ triệt để này. Điều đáng tiếc là danh từ "Loã thể" thường bị đồng hoá với các sự kiện xấu xa, mọi rợ, thiếu văn minh. Khi người Anh đến cai trị xứ này, rất nhiều tu sĩ đạo Jain đã bị bắt giam vì tội xâm

phạm thuần phong mỹ tục, mặc dù họ chỉ sống trong rừng không tiếp xúc với xã hội. Khi gác bỏ các thành kiến dị biệt, phong tục và tập quán, phái đoàn thấy đạo Jain chủ trương rất thực tế. Giaó phái này tin tưởng rằng sức mạnh của tình thương có thể san bằng mọi khó khăn, trở ngại. Tuy nhiên, tình thương phải hết sức tuyệt đối. Mục đích của nó không giới hạn vào một hạng người nào riêng biệt, mà phải được ban rải đồng đều cho tất cả, không phân biệt giai cấp, chủng tộc hay tín ngưỡng. Đây là một cải cách hết sức lớn lao vì phong tục Ấn độ vốn rất thiên vị, và chủ trương dị biệt giai cấp. Tín đồ đạo Jain tin rằng, con người dù mạnh hay yếu, sang hay hèn, trung lưu hay hay hạ lưu, bình dân hay vua chúa, đều thụ hưởng lòng thương như nhau.

Lòng thương chẳng những phải bao la, mà còn nồng nàn như tình mẹ con, không quản ngại khó khăn, nguy hiểm. Lòng thương phải chân thành, thâm thuý phát ra từ đáy lòng, không thể giả dối , hay vị nể một hoàn cảnh nào. Sau khi ban rãi tình thương khắp đồng loại, còn phải ban rãi đến loài vật, từ con voi to lớn đến các côn trùng nhỏ nhen. Do đó, họ tránh sát sinh đã đành mà còn không sử dụng bất cứ vật dụng gì do sự giết chóc mang lại. Đạo Jain cho rằng chiến thắng kẻ thù bằng sức mạnh là một thú tánh cần loại trừ, nhưng chinh phục bằng tình thương là đường lối duy nhất để giải quyết mọi việc.

Đạo Jain có khá đông tín đồ, phát triển mạnh tại miền bắc Ấn độ, nhưng không đi đến các nơi khác, vì gặp phải sức chống đối của Ấn độ giáo

và Hồi giáo. Lịch sử Ấn độ ghi nhận Hồi giáo đã tiêu diệt Phật giáo và đạo Jain một cách hết sức dã man. Hơn nữa, quy luật khắc khe của tôn giáo này không mấy ai theo nổi, và các tu sĩ bịt mặt, loã thể dễ bị người đời ngộ nhận. Có lẽ thế, nên tôn giáo này chỉ bành trướng trong các vùng hẻo lánh miền sơn cước.

Ashmah là một làng nhỏ, nằm sát chân núi. Phái đoàn dừng chân ở đây một thời gian cho lừa, ngựa nghỉ ngơi. Một lý do nữa là gần đó có một di tích lịch sử quan trọng : Ngôi đền yên lặng . Đó là một ngôi đền kiến trúc bằng đá trắng, xây cất hơn 4000 năm nay. Trong đền không có hình tượng gì, mà chỉ là một căn phòng to lớn, trang nghiêm. Bước vào ngôi đền yên tĩnh, tất cả mọi người đều thấy trong lòng bỗng lắng xuống một

cảm giác bình an khôn tả. Tục truyền, hoàng đế Rapoor mang quân đi chinh phục các nước láng giềng, đã gặp một vị đạo sĩ nơi đây. Đạo sĩ khuyên vua nên bỏ ý định chinh phục bằng sức mạnh, mà chỉ nên lấy nhân nghĩa mà đối xử với người. Nhà vua nghe theo, ra lệnh bãi binh, khuyến khích dân chúng sống theo đạo hạnh. Từ đó vương quốc Rapoor được hưởng một nền thái bình, thịnh trị.

Thời gian trôi qua, đến nay chẳng còn mấy ai biết đến thời đại của hoàng đế này, nhưng ngôi đền xây cất để kỷ niệm sự tỉnh ngộ của nhà vua vẫn còn tồn tại. Khi bước chân vào đ6y, không ai được nói một lời nào, mà phải tuyệt đối giữ yên lặng. Lý do ngôi đền không có hình tượng gì là để nói lên cái chân lý tuyệt đối vốn vô hình, vô

tướng. Vị đạo sĩ giữ đền đã giải thích cho phái đoàn.

- Đền yên lặng là nơi chỗ của quyền năng , vì yên lặng đồng nghĩa với quyền năng. Khi con người đạt đến chỗ im lặng trong tư tưởng thì họ đã đến chỗ mà tất cả đều là sự hợp nhất với quyền năng thiêng liêng. Con người có sức mạnh tư tưởng nhưng vì vô ý thức, họ đã để cho nó hao tán. Qưyền năng hao tán là Động, còn tập trung là Tĩnh. Khi tập trung mọi sức mạnh tư tưởng vào một trung tâm sinh lực duy nhất, con người tiếp xúc với thượng đế. Khi hợp nhất với đấng thiêng liêng, ta hợp nhất với mọi quyền năng và đó là di sản tâm linh tối hậu. Phương pháp duy nhất để hoà hợp với đấng thiêng liêng, là tiếp xúc với ngài một cách ý thức, từ bỏ ngoại cảnh,

để quay về với nội tâm, vì đấng thiêng liêng ẩn tàng trong tâm con người. Khi con người từ bỏ ảo giác của kiêu mạn, bản ngã, nhận thức sự vô minh, hèn kém của mình và sẵn sàng học hỏi, sửa đổi, đó là tu thân. Người ta không thể dạy bảo điều gì cho những cá nhân kiêu căng, tự phụ, vì chỉ có người khiêm tốn mới thấy được chân lý. Đấng thiêng liêng không nghe các lời cầu xin ồn ào, lập đi lập lại mà chỉ nghe những lời cầu nguyện chân thành của những kẻ đến với ngài bằng trái tim, sùng kính ngài bằng tâm hồn và sự im lặng. Kẻ nào tiếp xúc với ngài trong ầm thầm sẽ nhận biết quyền năng của ngài do sự thực hiện các điều mong muốn của họ.

- Nhưng nếu không cầu nguyện theo mọi sách vở, thánh kinh làm sao tín đồ có thể hiểu biết về

tôn giáo mà họ đang theo đuổi ?

- Minh triết phát sanh từ sự yên lặng. Thượng đế không cần ta phải tuyên dương ngài một cách ồn ào hay bằng một ngôn ngữ gì. Khi một tín đồ thànht âm trong tĩnh lặng, y sẽ hoà hợp tư tưởng với ảnh hưởng thiêng liêng; và ảnh hưởng này chỉ có thể nhận biết được khi lòng ta vắng lặng. Khi tâm hồn hoàn toàn an tĩnh, ta có thể tự phân tích mình, trau dồi phẩm hạnh và đón nhận những mặc khải từ cõi trên. Chỉ trong sự vắng lặng, con người mới ý thức năng lực trong mình, và chung quanh mình. Chỉ trong yên lặng các quyền năng tiềm ẩn mới phát sinh và nẩy nở. Tâm có an thì việc bên ngoài mới koh6ng vọng động, dục vọng mới chịu yên tĩnh. Con người có giải thoát các ồn ào, náo nhiệt bên

ngoài, thì mới đón nhận được các hoà âm tuyệt diệu đến từ cõi vô biên. Con người cần khám phá rằng hạnh phúc ở trong tâm mình. Hiện nay phần lớn đều tìm kiếm hạnh phúc bên ngoài, nhưng ngoại cảnh chỉ đem lại các giải trí trong chốc lát, thay vì hạnh phúc vô biên. Tất cả phương pháp tìm kiếm bên ngoài đều vô vọng. Con người phải biết quay về nội tâm vì mọi hình tướng, nghi thức đều là sự áp chế.

- Nhưng làm sao tìm thấy điều gì khi ngồi yên lặng ?

- Con người sẽ dần dần ý thức được chính mình. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi một thời gian. Họ sẽ tìm thấy ở mình một thứ hạnh phúc không lệ thuộc ngoại vật, cũng không lệ thuộc tha nhân. Một tâm trạng giải thoát không ai có thể cướp

được, đó là tâm trạng “tôn giáo”, kết tinh bởi sự nẩy nở, thăng hoa các ý thức sâu kín trong nội tâm. Con người sẽ tự mình tìm thấy câu giải đáp khi họ ý thức thực chất của chính mình, và ảnh hưởng cao cả của thượng đế. Chỉ khi đó, mọi sự tìm kiếm ở ngoại cảnh sẽ chấm dứt.

- Những điều ông nói rất hay, nhưng nếu không có sách vở chỉ dẫn, làm sao con người biết đâu mà tìm để đạt đến trạng thái đó ?

- Đa số người Âu chỉ quen hoạt động và ỷ lại vào một phương pháp, giáo lý hướng dẫn cuộc đời. Do đó, họ dễ bị hướng dẫn sai lạc, lầm lẫn. Phải tự mình suy gẫm và tìm lấy con đuòong cho chính mình mới là phương pháp đứng đắn. Con đường giải thoát đòi hỏi can đảm và nổ lực cá nhân, vì không đường nào giống đường nào.

Lịch sử cho thấy có biết bao tôn giáo rao truyền chân lý cực kỳ tốt đẹp, nhưng có mấy tín đồ nghiên cứu tường tận ? Đa số đều ỷ lại vào các giáo sĩ chỉ dẫn. Chính các giáo sĩ còn chưa giải thoát chính mình, thì còn cứu độ cho ai nữa ? Đó là lý do hoàng đế Rapoor xây dựng ngôi đền yên lặng và trong đó không có một pho tượng, một hình ảnh hay ngôn ngữ nào, để tránh đi vào con đường của các tông phái Ấn giáo. Thượng đế ở khắp mọi nơi và tuyệt đối, ngôn ngữ, hình ảnh không thể diễn tả được. Chỉ trong sự im lặng hoàn toàn phá bỏ tất cả hình tướng, nghi thức, con người mới tự do sống bình an với nhau, hiểu sự liên quan giữa y và những người đồng loại. Con người thường suy tư về sự liên hệ giữa người với người, nhưng sự suy tư này ít nhiều

đều thiên vị. Nó luôn luôn sai lạc nếu nó khảo sát sự vật xuyên qua bản ngã. Tư tưởng con người chỉ chân chính khi họ giải thoát khỏi các thành kiến, điều kiện bao bọc bên ngoài. Tự do tư tưởng không phải chỉ là muốn nghĩ thế nào thì nghĩ, mà còn là giải thoát ta ra khỏi các áp lực bắt ta phải suy nghĩ theo một lề lối riêng. Đây là một chân lý chỉ tìm thấy trong sự yên lặng, trong sự cởi bỏ mọi nghi thức, hình tướng, ngôn từ, các thành kiến dị biệt, các cưỡng bách tư tưởng, các sợ hãi bắt nguồn từ vô minh . Chỉ khi nào hoàn toàn tự do, con người mới thực sự bình an và giải thoát.

Phái đoàn từ giã vị giáo sĩ coi đền. Cuộc viếng thăm tuy ngắn ngủi nhưng đã gây một ấn tượng tốt đẹp với mọi người. Hình như có một luồng

từ điện vô hình phảng phất quanh ngôi đền, khiến ai cũng thấy trong lòng dào dạt một sự bình an khó tả. Lối tu trong yên lặng không còn là một vấn đề trừu tượng, vô ích như họ nghĩ. Qủa thật xứ Ấn còn rất nhiều điều để cho người Âu học hỏi và suy nghĩ.

hết: Chương IV, xem tiếp: Chương V

Chương V

Thành phố thiêng liêng

Rishikesh! Một tên gọi linh thiêng, thành phố của các vị thánh. Từ lâu nay người ta đã coi thành phố này như một thánh địa mà tất cả những kẻ cầu đạo đều phải đến để đắm mình trong bầu không khí thiêng liêng. Rishikesh nằm